

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong điều kiện kinh tế phát triển, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hoá xã hội và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ, trở thành một ngành kinh tế quan trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Du lịch không chỉ để con người nghỉ ngơi giải trí, mà còn nhằm thoả mãn nhu cầu to lớn về mặt tinh thần. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi Tỉnh thành đều có những đặc trưng riêng về tự nhiên, lịch sử, văn hoá, truyền thống... thu hút khách du lịch. Thông qua việc phát triển du lịch, sự hiểu biết và mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc, giữa các tỉnh thành trong cả nước ngày càng được mở rộng vì nền hoà bình và tình hữu nghị trên toàn thế giới. Ngày nay du lịch mang tính nhận thức và tính phổ biến với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho con người, củng cố hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc.

Ở nước ta trong những năm gần đây ngành du lịch cũng từng bước phát triển ổn định. Trong hoạt động du lịch, kinh tế đối ngoại của nước ta du lịch giữ vai trò quan trọng, là nhân tố tích cực góp phần dịch chuyển cơ cấu kinh tế, rút ngắn khoảng cách so với trình độ phát triển của các nước trong khu vực. Với phương châm “muốn làm bạn với tất cả các nước” Việt Nam được coi là điểm đến của thiên niên kỷ mới, ngày càng là “sự quyến rũ tiềm ẩn” đối với du khách trong và ngoài nước. Thêm vào đó đời sống của người dân ngày càng được cải thiện thì du lịch trở thành nhu cầu không thể thiếu, đó cũng là cơ hội để ngành du lịch Việt Nam phát triển.

Trong những năm gần đây hoạt động du lịch trở nên hết sức đa dạng, phong phú với nhiều loại hình hấp dẫn. Một trong những loại hình được quan tâm, phát triển mạnh nhất là du lịch văn hoá. Loại hình du lịch này đã đáp ứng được nhu cầu tham quan giải trí, lòng ham hiểu biết và mang ý nghĩa giáo dục rất cao. Không những chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng mà chúng còn được coi là nền tảng phát triển của ngành du lịch. Hệ thống các di tích lịch sử văn hoá bao gồm đình, chùa, đền, miếu... Hầu hết, chúng đều gắn liền với các lễ hội, các nghi thức cầu cúng, các phong tục tập quán của cộng đồng và những trò chơi dân gian. Qua đó đã phản ánh cuộc sống chiến đấu, lao động

của con người tại các làng quê; không chỉ gắn với các danh nhân văn hoá, lịch sử của dân tộc mà nó còn phản ánh khát vọng trong đời sống tâm linh của con người và mang ý nghĩa giáo dục hướng tới chân - thiện - mỹ.

Các di tích này cũng chứa đựng các giá trị to lớn về kiến trúc mỹ thuật, phản ánh từng giai đoạn lịch sử của đất nước và cùng với nó là những cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp; không chỉ có giá trị đối với các loại hình du lịch văn hoá mà còn có giá trị to lớn với du lịch sinh thái, có sức hút rất lớn đối với khách du lịch.

Trong những năm gần đây du lịch văn hoá với các tour theo các tuyến điểm du lịch được phân bố khắp chiều dài đất nước theo thống kê các di tích. Tuy nhiên yếu tố đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của du lịch với các di tích quen thuộc không còn sức hấp dẫn mạnh mẽ với du khách. Cùng với đó là sự xuống cấp quá mức của môi trường sinh thái làm cho các điểm du lịch đó không còn sức hấp dẫn mạnh với du khách. Để tạo ra được sự mới lạ trong chương trình du lịch hiện nay người ta đang hướng tới khai thác những tuyến điểm du lịch với các di tích độc đáo chưa được biết đến hoặc mới bắt đầu khai thác phục vụ du lịch.

Duy Tiên là một huyện có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch văn hoá với hệ thống dày đặc các di tích lịch sử văn hoá. Bên cạnh đó còn lưu giữ nhiều phong tục tập quán đẹp, hấp dẫn, các kho tàng văn hoá dân gian đặc sắc và các làng nghề truyền thống. Trải qua thời gian và sự tàn phá nặng nề của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, cùng với những biến động của thiên nhiên, xã hội; tuy vậy ở Duy Tiên vẫn còn lưu giữ được rất nhiều các di tích lịch sử văn hoá có giá trị và mang chiều sâu lịch sử văn hoá. Mỗi di tích gắn với một truyền thuyết, nhân vật lịch sử hay một phong cách kiến trúc của một thời đại nào đó.

Với những lợi thế trên Duy Tiên hoàn toàn có cơ sở vững chắc để khẳng định vị thế của mình cho sự phát triển của ngành công nghiệp không khói mà đặc biệt là trong loại hình du lịch văn hoá.

Tuy nhiên hoạt động du lịch tới các di tích lịch sử văn hoá của Duy Tiên lại chưa thực sự tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Hình ảnh của Duy Tiên đặc biệt là các di tích lịch sử văn hoá Duy Tiên chưa thực sự tạo được dấu ấn, sự quan tâm trong lòng khách du lịch. Nguyên nhân cũng rất dễ

hiểu vì bản thân họ chưa có sự hiểu biết gì thậm chí họ chưa biết đến tên của Duy Tiên thì họ không thể quyết định mua tour tới các di tích ở đây được. Vậy vấn đề đặt ra là phải làm sao giúp cho khách du lịch có được sự hiểu biết rõ ràng hơn về các di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên, để từ đó họ có được những quyết định đúng đắn khi mua tour du lịch đến với Duy Tiên

Với lý do trên em chọn đề tài “*Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá phục vụ cho phát triển du lịch văn hoá ở huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam trong giai đoạn hiện nay*” làm đề tài khoá luận tốt nghiệp của mình. Mong rằng bài khoá luận này phần nào sẽ giới thiệu được về những di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng của Duy Tiên, giúp du khách có thêm sự hiểu biết hơn về các di tích ở đây. Đồng thời qua đây em cũng xin đóng góp một số ý kiến với các cấp, các ngành có liên quan để việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên vừa đạt hiệu quả về mặt kinh tế vừa bảo tồn được những giá trị đặc sắc của các di tích này.

2. Mục đích và nội dung nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Với đề tài “*Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá phục vụ cho phát triển du lịch văn hoá ở huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam trong giai đoạn hiện nay*”, khoá luận nhằm mục đích sau:

- Hệ thống hóa lý luận chung về di tích lịch sử văn hóa.
- Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Duy Tiên và thực trạng khai thác các di tích lịch sử văn hoá với hoạt động du lịch văn hoá.
- Đề xuất một số định hướng, giải pháp với chính quyền, với ngành du lịch cũng như các ngành có liên quan về việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của Duy Tiên để phục vụ du lịch văn hóa. Từ đó đẩy mạnh công tác bảo tồn và đưa ra kế hoạch khai thác hợp lý.

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Luận giải một số vấn đề chung về lý luận di tích lịch sử văn hóa
- Nghiên cứu các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Duy Tiên
- Thực trạng và giải pháp khai thác du lịch tại các điểm di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu của Duy Tiên có khả năng khai thác để phục vụ du lịch văn hoá.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Duy Tiên.
- Các tài liệu có liên quan tới các di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin số liệu.
- Phương pháp xã hội học thực địa.
- Phương pháp phân tích tổng hợp.

5. Bộ cục khoá luận

Gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung

Chương 2: Thực trạng khai thác các di tích lịch sử văn hoá ở huyện Duy Tiên.

Chương 3: Một số đề xuất, giải pháp nhằm khai thác các di tích lịch sử văn hoá ở huyện Duy Tiên để phát triển du lịch văn hoá.

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1. Khái niệm về di tích lịch sử văn hóa

Khái niệm di tích lịch sử văn hoá được bắt nguồn từ các khái niệm về di tích lịch sử và di tích văn hóa. Vậy có thể hiểu:

Di tích lịch sử văn hoá là nơi ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương. Đây là nơi ghi dấu những kỉ niệm, ghi dấu chiến công xâm lược, ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

Di tích văn hóa là những đặc điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa trong lịch sử, là những di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị. Những di tích này không chỉ chứa những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần.

Theo Luật di sản văn hóa thì: Di tích lịch sử văn hoá được hiểu là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học.

Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người sáng lập ra trong lịch sử để lại.

Di tích lịch sử văn hoá là tài nguyên văn hóa quý báu của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực và cụ thể về đặc điểm văn hóa của mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước, là biểu tượng chói ngời trong kho tàng văn hóa dân tộc và nhân loại.

Mỗi quốc gia đều có những quan niệm về di tích lịch sử văn hoá. Để các quan niệm được thống nhất với nhau thì cần có những quy định chung như sau:

- Di tích lịch sử văn hoá là nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa khảo cổ.
- Những địa điểm khung cảnh ghi dấu về dân tộc.
- Những nơi diễn ra sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa thúc đẩy lịch sử đất nước, lịch sử địa phương phát triển.

- Những địa điểm ghi dấu chiến công xâm lược, áp bức.
- Những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, nhà khoa học.
- Những công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị toàn quốc hoặc khu vực.

Những danh lam thắng cảnh do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay con người tạo dựng thêm vào được xếp là một loại trong các di tích lịch sử văn hoá.

1.1.2. Các loại di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu:

1.1.2.1. Đình làng

Đình là yếu tố vật chất quan trọng nhất trong văn hóa làng. Ngôi đình là biểu tượng cho văn hóa làng Việt và khi nói đến văn hóa làng Việt là nói đến cây đa, giếng nước, sân đình.

Đình làng ra đời vào khoảng thế kỉ XV, các ngôi đình cổ nhất còn lại hiện nay là: đình Thụy Phiêu (Ba Vì - Hà Nội - 1531), đình Lỗ Hạnh (Hiệp Hòa - Bắc Giang - 1576), đình La Phù (Thường Tín - Hà Nội - 1579), đình Tây Đằng (Ba Vì - Hà Nội - 1583).

Đến thế kỉ XVI đình phát triển nhiều và đến thế kỉ XVII là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đình. Đình không chỉ là biểu tượng cho làng xã Việt Nam mà còn là hình ảnh của con người Việt Nam, đặc biệt là trước cách mạng tháng Tám không ở đâu có hệ thống đình phong phú như ở nông thôn miền Bắc nước ta. Không biết tự bao giờ, đình làng đã trở thành một bộ phận trong đời sống của bà con nông dân, đây là nơi chứng kiến mọi sinh hoạt, lễ thói, mọi thay đổi trong đời sống văn hóa - xã hội của làng quê Việt Nam. Có thể nói đình là biểu tượng, là linh hồn của làng quê, đình là dấu ấn trong văn hóa truyền thống.

Đình có ba chức năng chính đó là: chức năng hành chính, chức năng văn hóa và chức năng tôn giáo.

Trước hết đình là nơi thờ Thành Hoàng làng - người có công với làng. Tín ngưỡng Thành Hoàng làng có nguồn gốc từ Trung Quốc và du nhập vào nước Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Thành Hoàng có nhiều loại:

Đó có thể là nhân thần vật lịch sử (hay còn gọi là nhân thần) đã có công với đất nước như: các tướng của Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo;

có thể là các tăng ni cao đạo như: Không Lộ, Minh Không, Từ Đạo Hạnh; có thể là thiên thần như Thánh Tản Viên; có thể là những người có công lập làng (gọi là Tiên Thân), hay những ông tổ họ của làng, những người là tổ nghề (gọi là Tiên Sư)...

Ngoài chức năng trên đình còn có chức năng hành chính. Đây là nơi thực hiện công việc của cả làng, cả xã. Việc xử, việc phạt, khao đều được tiến hành tại đình, phổ biến hương ước cũng được tiến hành tại đây. Đây là nơi chứng kiến những việc của làng xã, những thay đổi trong tổ chức hành chính của làng quê Việt Nam.

Chức năng văn hóa: Đình là nơi để biểu diễn kịch hay các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Đặc biệt vào là vào dịp lễ hội, ngoài phần lễ nghi không thể thiếu phần hội với nhiều trò chơi dân gian như: múa hát, trọi trâu, trọi gà, đánh đu, bơi thuyền, hát xoan gheo... Ở lễ hội, một mặt người ta biểu dương, giáo dục truyền thống tốt đẹp của quê hương đất nước, hướng con người ta đến cái “chân - thiện - mỹ”, ở đây họ tìm thấy sự thoải mái và bình đẳng. Mỗi dịp lễ hội như là một lần hẹn, vào dịp này tại mỗi làng quê, những người lao động không phải lo nghĩ gì, họ thả hồn mình đi trảy hội, đây là dịp để nam nữ hẹn hò gặp mặt... Đình cũng là nơi để phát hiện, nuôi dưỡng những môn nghệ thuật độc đáo. Ngay kể cả vào dịp không có lễ hội, mỗi khi thoáng mát, đình cũng là nơi nghỉ ngơi, trò chuyện của người dân làng quê.

Đình có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống cộng đồng mỗi làng quê Việt Nam, đã từ lâu đời có câu tục ngữ gắn liền với đình:

*“Toét mắt là tại hướng đình
Cả làng bị toét có mình em đâu”*

Hay

*“ Do ta kéo gỗ làm đình
Con gái vô tình để cả rón ra”*

Việc xây dựng đình có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của dân làng. Người dân Việt Nam luôn dành những gì tốt đẹp nhất cho đình làng. Đình được xây dựng do sự đóng góp tài sản và sức lực của mọi thành viên trong làng. Đình là nơi hội tụ những nét đẹp về mặt truyền thống, kiến trúc nghệ thuật và cả yếu tố phong thủy. Để xây dựng đình, người dân phải chọn một mảnh đất có phong thủy đẹp, tức là địa điểm đó phải có sông, có cây, có

hướng đất đẹp, là nơi cao ráo, có long mạch... Chính vì vậy nhiều đình để tạo thế đất người ta đào ao, hồ nước trước cửa đình.

Ngoài những giá trị văn hóa, xã hội mà đình để lại cho đến ngày nay, thì giá trị kiến trúc - nghệ thuật lại không thể bỏ qua và đặc biệt ở đây là nghệ thuật điêu khắc. Tại đây ghi lại sự phát triển vượt bậc của nghệ thuật điêu khắc, đặc biệt là hình tượng con rồng. Các nghệ nhân đã dùng đôi bàn tay khéo léo và tâm hồn của mình để khắc họa lên những suy nghĩ, tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của người dân Việt Nam. Tạo cho đình một không gian thoáng mát, linh thiêng và hội tụ những giá trị nghệ thuật cao đẹp. Đây không chỉ là những bằng chứng xác thực cho một thời kì, một nền văn hóa mà là một nguồn tài liệu về lịch sử - mỹ thuật Việt Nam để nghiên cứu đời sống hàng ngày cũng như tâm hồn của người dân Việt Nam.

Về kiến trúc của đình thường có một số kiểu kiến trúc phổ biến sau:

Kết cấu chữ “*Nhất*” là kết cấu một tòa đình có 5 gian hoặc 7 gian và 2 dĩ. Kết cấu này thường thấy ở các ngôi đình thời nhà Mạc, đến thế kỉ XVII người ta đưa Thành Hoàng vào thờ ở đình, xuất hiện tục thờ thần, cấu trúc chữ “*Nhất*” của đình bị phá vỡ và phát triển thành kiểu kiến trúc như sau:

Cấu trúc chữ “*Nhị*” gồm có phần đại đình và phần hậu cung.

Cấu trúc chữ “*Đình*” hay còn gọi hình “*chuôi vờ*”, bao gồm phần đại đình và phần hậu cung.

Cấu trúc chữ “*Công*” gồm phần đại đình, hậu cung và tòa ông muông nối giữa hai phần này.

Giống như đền và chùa, là những nơi linh thiêng nhưng lại là nơi có kiến trúc tôn giáo khác biệt. Tại đây ta có thể bắt gặp những hình ảnh sinh động gần gũi với cuộc sống đời thường. Cảnh hội hè đình đám: uống rượu, boi chải, chọi gà; cảnh lao động làm ăn: dựng đình, săn hươu; cảnh sinh hoạt ở làng: bế con, gánh con, cồng con đã biến những khúc gỗ vô tri vô giác thành những bức trạm trổ mang tính nghệ thuật cao; cũng có khi là những hình ảnh thoáng đạt như hiện tượng đôi trai gái đùa ghẹo nhau hay đang tự tình; cũng có thể là hình tượng người phụ nữ ngồi khóa thân...

Qua sự biến đổi, phát triển của thời gian. Đến nay đã có nhiều ngôi đình trở thành kiệt tác nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đặc sắc, độc đáo và trở thành những di tích lịch sử văn hoá quốc gia như: đình Tây Đằng (Hà Nội), Đình

Bảng (Bắc Ninh), đình Phù Lỗa (Vĩnh Phúc)...

1.1.2.2. Chùa

Chùa là một loại di tích lịch sử, có kiến trúc nghệ thuật độc đáo, chiếm số lượng lớn, do vậy chùa có vị trí quan trọng trong di sản văn hóa nước ta.

Chùa có lịch sử ra đời và phát triển gắn liền với sự du nhập và phát triển của đạo phật ở nước ta và lịch sử phát triển của đất nước.

Chùa được phát triển theo thời gian và phân hóa theo không gian, làng nào cũng có chùa (đất vua chùa làng). Chùa Việt Nam chủ yếu là chùa làng và chùa nước. Chùa làng thường được xây dựng trong một không gian đẹp, yên tĩnh, trong lành tĩnh mịch, nơi hội tụ khí thiêng trời đất. Giống với chùa làng, chùa nước là những ngôi chùa có lịch sử hình thành và phát triển sớm, có quy mô lớn, giá trị về văn hóa, lịch sử, tôn giáo, là nơi tu hành của các vị cao tăng. Do vậy, đây là loại hình di tích lịch sử văn hoá có sức lôi cuốn và hấp dẫn với du khách trong những chuyến thăm quan, trong những chuyến hành hương của khách du lịch.

Chùa có vai trò và vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của con người Việt Nam. Nó giúp con người sống tốt hơn, lương thiện hơn... do đó mà họ có triết lý là sau khi chết đi linh hồn mình sẽ được siêu thoát và được lên cõi niết bàn. Chùa không chỉ là nơi thực hiện các nghi thức tôn giáo mà còn là nơi sinh hoạt văn hóa của làng xã Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử những ngôi chùa vẫn tồn tại trong đời sống của người Việt Nam và nó mang một ý nghĩa vô cùng to lớn trong đời sống tâm linh của người Việt Nam. Chùa ở Việt Nam còn có những nét đặc biệt đó là trong chùa không chỉ thờ phật mà trong nhiều trường hợp còn thờ cả thần. Bởi các tôn giáo Việt Nam không hề bài xích nhau mà cùng hòa hợp với nhau và hòa hợp với tín ngưỡng bản địa. Đây chính là nét khác biệt của chùa ở Việt Nam so với các chùa khác trong khu vực.

Về mặt kiến trúc: các giá trị kiến trúc, lối kiến trúc của chùa thay đổi theo không gian và thời gian, đồng thời biến đổi đa dạng theo tín đồ Phật giáo pha trộn với tín ngưỡng bản địa Việt Nam.

Chùa ở miền Bắc: thời kỳ đầu, chùa có kiến trúc dạng tháp như tháp Hòa Phong, chùa Một Cột, sau đó có kiến trúc chữ “*Nhất*”; kiến trúc chữ “*Đình*”; kiến trúc chữ “*Công*”, gồm: tam quan, bái đường, đại bái, thiêu hương, nhà

hộ, thượng điện; kiến trúc “*Nội công ngoại quốc*”, gồm: tam quan, đại bái, thiêu hương, thượng điện, dải vũ, nhà thờ tổ, nhà tăng, nhà khách; kiến trúc chữ “*Tam*”, gồm ba nếp nhà hoặc kiêu chùa Hạ, chùa Trung, chùa Thượng.

Chùa ở miền Trung: chùa thường có lối kiến trúc chữ “*Khẩu*”, chữ “*Nhị*”.

Chùa ở miền Nam: chùa thường có kiến trúc chữ “*Tam*” hoặc “*Nội công ngoại quốc*”, thường thờ phật ở phía trước và tháp xá lị cộng đồng ở phía sau.

Kiến trúc, điêu khắc của chùa thể hiện tư tưởng, phong tục tập quán làng xã, sự phát triển của làng xã Việt Nam qua các thời kỳ.

1.1.2.3. Đền, Miếu, Nghè, Am, Quán

Các khái niệm hay tên gọi này thường không có sự nhất quán giữa các làng song nhìn chung đây là nơi thờ thần linh, thành hoàng trú ngụ vì nhiều lí do khác nhau: là nơi sinh, nơi hóa của thần, nơi thần dừng chân, nơi đóng doanh trại của thần....

Đền là từ dùng chung chỉ mọi kiến trúc có liên quan đến thần linh, là giáo đường để con người thực hiện nghĩa vụ thông linh và vận linh. Đền là nơi thờ của các vị thần như: nhân thần, thiên thần, những danh nhân hay những vị anh hùng dân tộc, những tướng lĩnh nghĩa sĩ.

Đền có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước. Vì vậy, đây là loại di tích lịch sử văn hoá có lịch sử phát triển lâu đời nhất ở nước ta. Đền thường được xây dựng ở những nơi diễn ra các sự kiện lịch sử, nơi sinh hoặc nơi hóa của các thần điện.

Các ngôi đền có chức năng riêng, kiến trúc riêng và tên gọi riêng. Thứ nhất là các ngôi đền có liên quan đến Đạo giáo và Lão giáo, được gọi là Quán. Vào thời Lý, Trần, Lê Sơ, các quán Đạo nước ta chủ yếu thờ thần tiên dân tộc, một số Quán trở thành đình (như quán Giá thuộc huyện Hoài Đức-Hà Nội) hoặc thành chùa (như chùa SỔ ở huyện Thanh Oai - Hà Nội). Còn những đền thờ thần linh mang tính chất phong thủy gọi là quán Đạo. Từ thế kỉ XVI trở đi có nhiều quán Đạo Lão là sản phẩm của tư tưởng xã hội được hình thành. Các dạng đền khác nằm ngoài mục đích thờ thần linh, anh hùng dân tộc thì thuộc hệ thống miếu thờ những bậc thánh và những vị tiên hiền. Một dạng đền khác gắn với tín ngưỡng dân gian, chủ yếu là thờ Mẫu gọi là Điện Mẫu.

Các kiến trúc mang tính chất trung tâm là nơi thờ Mẫu và tập hợp được nhiều tín đồ địa phương gọi là Phủ.

Ở đây ta bắt gặp những giá trị thẩm mỹ nghệ thuật khác nhau như: các nhang án, đồ tế tự, tượng và đặc biệt là những hoành phi thường được sơn son thếp vàng... Những nét kiến trúc của đình thường gắn liền với các truyền thuyết.

Vì vậy, đền là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thuyết dân tộc. Đây là một hình thức giáo dục truyền thống gắn với tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt.

1.1.2.4. Di tích cách mạng kháng chiến

Các di tích cách mạng kháng chiến là di tích ghi lại một sự kiện trọng đại của lịch sử cách mạng địa phương có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng của địa phương, khu vực hay của cả quốc gia: hang Pác Pó, đình Hồng Thái, địa đạo Vĩnh Mốc, hầm Đờ Cát...

1.2. Quan hệ giữa du lịch với các di tích lịch sử văn hóa

1.2.1. Khái niệm du lịch và các loại hình du lịch

1.2.1.1. Khái niệm du lịch

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở cả các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay không chỉ nước ta, nhận thức về nội dung du lịch vẫn chưa thống nhất. Trước thực tế phát triển của ngành du lịch về mặt kinh tế cũng như trong lĩnh vực đào tạo, việc nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất một khái niệm cơ bản, trong đó khái niệm du lịch là một đòi hỏi cấp thiết.

Do hoàn cảnh (thời gian, khu vực) khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau. Đúng như một chuyên gia về du lịch đã nhận định: “ đối với du lịch có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa ”.

Dưới đây em xin đưa ra một số định nghĩa tiêu biểu:

Theo Luật Du lịch thì: *Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định* (Điều 4 Luật Du lịch Việt Nam năm 2005).

Trong cuốn “Du lịch và kinh doanh du lịch” của PTS Trần Phan định nghĩa: *Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương, không nhằm mục đích sinh lời được tính bằng đồng tiền.*

Trong định nghĩa này tác giả đã sáng tạo ra một từ khá mới lạ là “thảm nhận” để mong muốn lột tả bản chất của vấn đề.

Dưới con mắt của các nhà kinh tế, du lịch không chỉ là một hiện tượng xã hội đơn thuần mà nó còn phải gắn chặt với hoạt động kinh tế. Chính vì quan điểm này mà nhà kinh tế học Kalfiotis cho rằng: *Du lịch là sự di chuyển tạm thời của cá nhân hay tập thể từ nơi ở đến nơi khác nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần, đạo đức, do đó tạo nên các hoạt động kinh tế.*

Trong giáo trình thống kê du lịch thì Nguyễn Cao Tường và Tô Đăng Hải chỉ cho rằng: *Du lịch là một ngành kinh tế xã hội, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác.*

Trong cuốn cơ sở địa lý du lịch và du lịch tham quan, với một nội dung khá chi tiết, nhà địa lý Belaus đã nhấn mạnh: *Du lịch là một dạng hoạt động của cư dân trong thời gian nhàn rỗi có liên quan đến sự di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi ở thường xuyên nhằm mục đích phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hóa hoặc hoạt động thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ.*

Năm 1963 với mục đích quốc tế hóa, tại hội nghị liên hiệp quốc về du lịch họp tại Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa như sau về du lịch: *Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ.* Định nghĩa này là cơ sở cho định nghĩa du khách đã được liên minh quốc tế các tổ chức du lịch chính thức, tiền thân của tổ chức du lịch thế giới thông qua.

Qua các định nghĩa trên có thể hình dung được sự biến đổi trong nhận thức về nội dung thuật ngữ du lịch. Một số chỉ cho rằng du lịch chỉ là một hiện tượng xã hội (hiểu theo nghĩa từ đơn giản đến phức tạp), số khác lại cho rằng đây phải là một hoạt động kinh tế. Nhiều học giả cố gắng ghép cả hai nội dung trên vào định nghĩa của thuật ngữ này, tức là tất cả các mối quan hệ (xã

hội và kinh tế) phát sinh từ hoạt động di chuyển. Trong những định nghĩa này các tác giả gộp hai phạm trù hoạt động du khách và hoạt động kinh tế thành một hệ thống nhân - quả.

Khác với quan điểm trên, các học giả biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam đã tách hai nội dung cơ bản của du lịch thành hai thành phần riêng biệt. Theo các chuyên gia này, nghĩa thứ nhất của từ này là *một dạng nghỉ dưỡng sức tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa nghệ thuật...* Theo nghĩa thứ hai, *du lịch được coi là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất nước, đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình, về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả lớn, có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tại chỗ.*

Chúng ta biết rằng, trong thực tế cuộc sống, do sự phát triển của xã hội và nhận thức, các từ ngữ thường có nhiều nghĩa, nhiều khi trái ngược nhau. Như vậy, cố gắng giải thích đơn vị từ đa nghĩa bằng cách gộp các nội dung khác nhau vào một định nghĩa sẽ làm cho khái niệm trở nên khó hiểu và không rõ ràng. Dựa theo các cách tiếp cận trên, nên tách thuật ngữ du lịch thành hai phần để định nghĩa nó.

Du lịch có thể được hiểu là:

- Sự *di chuyển* và *lưu trú* qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của các cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.

- Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nảy sinh trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

Việc phân định rõ ràng hai nội dung cơ bản của khái niệm có ý nghĩa góp phần thúc đẩy sự phát triển của du lịch.

1.2.1.2. Các loại hình du lịch

Hoạt động du lịch có tính phong phú và đa dạng về loại hình. Phụ thuộc

vào các nhân tố khác nhau, dựa vào đặc điểm vị trí, phương tiện và mục tiêu có thể chia thành các loại hình riêng biệt.

- Theo nhu cầu của khách:

+ Du lịch chữa bệnh: Đây là hình thức đi du lịch để điều trị một căn bệnh nào đó, về thể xác hay tinh thần. Mục đích đi du lịch là vì sức khỏe, loại du lịch này gắn liền với việc chữa bệnh và nghỉ ngơi tại trung tâm chữa bệnh, các trung tâm được xây dựng trên nguồn nước khoáng, có giá trị, giữa khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và khí hậu thích hợp.

+ Du lịch nghỉ ngơi (giải trí): Nảy sinh do nhu cầu cần phải nghỉ ngơi để phục hồi thể lực và tinh thần cho con người. Đây là loại hình du lịch có tác dụng giải trí, làm cho cuộc sống thêm đa dạng.

+ Du lịch thể thao: Xuất hiện do lòng say mê thể thao. Đây là hình thức du lịch gắn liền với sở thích của khách về một loại hình thể thao nào đó. Du lịch thể thao có thể chia làm hai loại: du lịch thể thao chủ động và du lịch thể thao bị động.

Để đáp ứng nhu cầu du lịch thể thao, cơ quan cung ứng du lịch phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đội ngũ nhân viên phục vụ có hiểu biết về loại hình thể thao cung ứng. Điểm du lịch phải có các điều kiện thuận lợi phù hợp.

+ Du lịch lễ hội: Đây là loại hình du lịch được nảy sinh do du khách muốn hòa mình vào không khí tung bừng của các cuộc biểu dương lực lượng, biểu dương tinh thần đoàn kết của cộng đồng. Du khách tìm thấy ở lễ hội bản thân mình, quên đi những khó khăn của cuộc sống đời thường.

+ Du lịch tôn giáo: Đây là các chuyến đi của du khách để thỏa mãn nhu cầu được thực hiện các lễ nghi tôn giáo của tín đồ (du lịch tôn giáo chủ động) hay tìm hiểu, nghiên cứu tôn giáo của người dị giáo. Điểm đến của các luồng du khách này là chùa chiền, nhà thờ, thánh địa...

+ Du lịch nghiên cứu (học tập): Xuất hiện do nhu cầu kết hợp học tập lý thuyết với tìm hiểu thực tiễn, học đi đôi với hành. Thông thường hướng dẫn viên du lịch là các thầy cô giáo phụ trách chuyên môn ở các trường.

+ Du lịch hội nghị: Đây là một loại hình du lịch mới phát triển, đặc biệt từ sau đại chiến thế giới thứ II. Khách đi du lịch hội nghị thường được đảm bảo đầy đủ các phương tiện vật chất, khả năng thanh toán rất cao vì thường được cơ quan thanh toán.

+ Du lịch thể thao kết hợp: Đây là loại hình du lịch khác với du lịch thể thao thuần túy, những chuyến đi của các vận động viên có mục đích chính là tập luyện, tham dự vào các cuộc thi đấu thể thao.

+ Du lịch kinh doanh: Mục đích của loại khách này là tìm cơ hội làm ăn, tìm đối tác kinh doanh trong chuyến đi.

+ Du lịch văn hóa: Mục đích chính là nâng cao hiểu biết cho cá nhân, loại hình du lịch này thỏa mãn lòng ham hiểu biết và ham thích nâng cao văn hóa thông qua các chuyến du lịch đến những nơi xa lạ để tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử, kiến trúc, kinh tế, chế độ xã hội, cuộc sống và phong tục tập quán của đất nước đến du lịch.

+ Du lịch công vụ: Với mục đích chính là nhằm thực hiện nhiệm vụ công tác hoặc nghề nghiệp nào đó. Tham gia loại hình này là khách đi dự hội nghị, kỉ niệm các ngày lễ lớn, các cuộc gặp gỡ.

+ Du lịch thăm hỏi: Nảy sinh do nhu cầu giao tiếp xã hội, nhằm thăm hỏi bà con họ hàng, bạn bè thân quen, đi dự lễ cưới, lễ tang. Hình thức du lịch này có ý nghĩa quan trọng đối với những nước có nhiều người sinh sống ở nước ngoài.

- Du lịch theo phạm vi lãnh thổ:

+ Du lịch nội địa: Được hiểu là chuyến đi du lịch từ chỗ này tới chỗ khác nhưng trong phạm vi đất nước mình, chi phí bằng tiền nước mình. Điểm xuất phát và điểm đến đều nằm trong lãnh thổ một đất nước.

+ Du lịch quốc tế: Được hiểu là chuyến đi từ nước này tới nước khác, ở hình thức này khách du lịch phải đi qua biên giới và tiêu ngoại tệ ở nơi đến du lịch. Du lịch quốc tế chia làm hai loại: du lịch quốc tế chủ động và du lịch quốc tế bị động

- Du lịch theo vị trí địa lý của các cơ sở du lịch:

+ Du lịch nghỉ biển: Là những cơ sở du lịch nằm ở vùng ven biển với mục đích đón khách tắm biển. Trên phạm vi thế giới số lượng khách du lịch lớn nhất là số khách đi nghỉ biển.

+ Du lịch nghỉ núi: Đây là loại hình du lịch đáp ứng nhu cầu tự thể hiện mình của giới trẻ.

- Du lịch theo các phương tiện giao thông:

+ Du lịch xe đạp: Phát triển ở những nước có địa hình bằng phẳng như:

Áo, Hà Lan, Đan Mạch... du lịch xe đạp thường được tổ chức từ 1 đến 3 ngày vào cuối tuần sau những ngày làm việc căng thẳng hoặc tổ chức trong tuần, sau giờ làm việc, đến những điểm du lịch.

+ Du lịch ô tô: Đây là hình thức du lịch rất phổ biến, chiếm tỉ trọng cao nhất trong luồng khách du lịch. Ở châu Âu loại hình này chiếm 80% tổng số khách du lịch và khách sử dụng ô tô riêng.

+ Du lịch máy bay: Đây là một trong những loại hình du lịch tiên tiến nhất đáp ứng nhu cầu của khách du lịch ở những nước, những vùng xa xôi.

+ Du lịch tàu biển: Xuất hiện sau những năm 40 thế kỉ trước. Loại hình này có chi phí giao thông thấp nên nhiều người có khả năng tham gia.

+ Du lịch tàu thủy: Là loại hình xuất hiện đã lâu. Ngày nay tàu thủy dùng trong du lịch thường là một tổ hợp đảm bảo nhiều loại hình dịch vụ. Dịch vụ tàu thủy thỏa mãn nhu cầu của khách về nghỉ ngơi, giải trí, thể thao...

- Du lịch theo thời gian cuộc hành trình:

+ Du lịch ngắn ngày: Thường vào cuối tuần, phát triển nhất ở Mỹ, Anh, Pháp... Ở những nước có chế độ làm việc 5 ngày, thường kéo dài 3 ngày và lưu trú 1 đến 3 đêm. Hoặc du lịch trong ngày ngắn hơn du lịch cuối tuần, kéo dài 1 ngày và không ngủ qua đêm.

+ Du lịch dài ngày: Thường vào kỳ nghỉ phép hoặc những kỳ nghỉ đông, nghỉ hè. Thông thường du lịch loại này kéo dài vài tuần, thực hiện các chuyến đi thăm những địa điểm lịch sử ở xa, du lịch nghỉ ngơi, chữa bệnh tại các khu điều dưỡng hay du lịch văn hóa.

- Du lịch theo lứa tuổi:

+ Du lịch thanh niên: Tuổi từ 17 đến 35, đi theo tổ chức của đoàn và cá nhân.

+ Du lịch thiếu niên: Dưới 17 tuổi, thường đi du lịch trong dịp hè hoặc theo chương trình học tập, tham quan...

+ Du lịch gia đình: Hình thức cả gia đình cùng tham gia chuyến đi.

- Du lịch theo tour:

+ Du lịch có tổ chức theo đoàn với sự chuẩn bị chương trình từ trước hay thông qua tổ chức du lịch (đại lý du lịch, tổ chức công đoàn) mỗi thành viên trong đoàn được thông báo trước chương trình của chuyến đi.

+ Du lịch cá nhân: Cá nhân tự định ra tuyến hành trình, kế hoạch lưu

trú, địa điểm ăn uống tùy nghi. Loại hình này phát triển với tốc độ nhanh và nhất là trong những năm gần đây đã chiếm ưu thế.

Nhìn chung các loại hình du lịch này thường kết hợp chặt chẽ với nhau. Ví dụ loại du lịch leo núi dài ngày có tổ chức.

1.2.2. Du lịch văn hóa

1.2.2.1. Khái niệm

Luật du lịch Việt Nam năm 2005 có định nghĩa về du lịch văn hóa như sau: *Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống (điều 4 luật du lịch năm 2005).*

Trong cuốn nhập môn khoa học du lịch của tác giả Trần Đức Thanh có định nghĩa như sau:

Du lịch văn hóa là hoạt động du lịch diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn hay hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch văn hóa.

Như vậy theo các định nghĩa trên tài nguyên du lịch văn hóa cũng chính là tài nguyên du lịch nhân văn. Tài nguyên du lịch văn hóa là tất cả những gì do xã hội cộng đồng tạo ra có sức hấp dẫn du khách cùng các thành tố khác được đưa vào phục vụ phát triển du lịch. Như vậy tài nguyên du lịch văn hóa được hiểu là bao gồm các di tích, công trình đương đại, lễ hội, phong tục tập quán. Tài nguyên du lịch văn hóa chính là các di sản văn hóa do con người tạo ra bao gồm cả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y học, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

1.2.2.2. Đặc trưng của sản phẩm du lịch văn hóa

- Sản phẩm du lịch văn hóa được thể hiện là vật thể (các di tích lịch sử văn hóa, các quần thể kiến trúc làng bản, đô thị cổ, nhà cửa...) hoặc phi vật thể (các phong tục tập quán, lễ hội, các sinh hoạt văn hóa dân gian, trò chơi dân gian...)

- Là sản phẩm có sự tham gia sáng tạo của con người.

- Là sản phẩm mang dấu ấn lịch sử, truyền thống của cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử.

1.2.2.3. Nội dung của sản phẩm du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa chỉ thực sự có nội dung văn hóa khi gắn liền hoạt động của nó với kiến trúc lịch sử, xã hội liên quan đến tuyến điểm du lịch.

Các di tích lịch sử văn hóa, di chỉ khảo cổ, các lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, các công trình kiến trúc, nghệ thuật âm thực của dân địa phương cho du khách thấy được khung cảnh cuộc sống đa dạng của mỗi cộng đồng dân cư. Đó là những bằng chứng xác thực nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi cộng đồng dân cư nói riêng, mỗi tộc người hay mỗi quốc gia nói chung. Ở đó chứa đựng tất cả những gì tốt đẹp thuộc về truyền thống, những tinh hoa trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa nghệ thuật của mỗi quốc gia. Nó là những bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi nước.

Được gọi là di tích lịch sử văn hóa vì chúng được tạo ra bởi con người trong quá trình hoạt động sáng tạo lịch sử, hoạt động văn hóa, trong đó bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Những di tích lịch sử văn hóa có khả năng rất lớn, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi tộc người, mỗi quốc gia.

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng nhiều nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích có nội dung, giá trị văn hóa, lượng thông tin riêng biệt khác nhau, sử dụng và bảo vệ di tích một cách có hiệu quả

Chính vì vậy di tích lịch sử văn hóa được phân chia như sau:

- Di tích văn hóa khảo cổ (hay di tích khảo cổ học) là những nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa ở dưới lòng đất và trên mặt đất. Những giá trị văn hóa này thuộc về thời kỳ lịch sử, xã hội loài người chưa có văn tự. Những di tích văn hóa khảo cổ học này được phân ra làm hai loại là di chỉ cư trú và di

chỉ mộ táng.

- Di tích lịch sử văn hóa: những di tích này (thường gắn liền với các công trình kiến trúc có giá trị) ghi lại các sự kiện lịch sử của đất nước, của địa phương, những địa điểm ghi dấu chiến công xâm lược áp bức, những nơi ghi dấu giá trị lưu niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa khoa học.

Di tích lịch sử văn hóa là không gian vật chất cụ thể khách quan, trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc do cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử. Các di tích này không chỉ chứa những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng những giá trị văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần, đây là những địa điểm ấn dấu một bộ phận giá trị văn hóa lịch sử của một quốc gia, dân tộc.

- Di tích văn hóa nghệ thuật: Những công trình kiến trúc mang giá trị nghệ thuật tiêu biểu, đặc sắc, có tính thẩm mỹ cao và có giá trị toàn quốc hoặc khu vực như đình làng, Văn miếu Quốc Tử Giám, nhà thờ Phát Diệm...

- Di tích cách mạng: Di tích ghi lại một sự kiện quan trọng của lịch sử cách mạng địa phương, có ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào cách mạng của địa phương, của khu vực hay của cả quốc gia (Điện Biên Phủ, Đống Đa...)

- Các loại danh lam thắng cảnh: Những di tích có những yếu tố do thiên nhiên bài trí sẵn kết hợp bàn tay con người tạo dựng thêm (chùa Hương, núi Bài Thơ, động Tam Thanh...) Các danh thắng cảnh này thường chứa đựng trong nó những giá trị của nhiều loại di tích lịch sử văn hóa vì vậy nó có giá trị quan trọng đối với phát triển du lịch.

1.2.2.4. Tác động của hoạt động du lịch với các di tích lịch sử văn hóa

Ngày nay khi nền kinh tế phát triển, đời sống của con người được nâng cao thì du lịch trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của con người. Đặc biệt là nhu cầu về du lịch văn hóa, du lịch nhân văn, du lịch trở về cội nguồn đang trở thành nhu cầu cần thiết và chính đáng của con người thì mối quan hệ giữa du lịch và các di tích lịch sử văn hóa càng trở nên gắn bó và khăng khít với nhau.

Một trong những ý nghĩa quan trọng của du lịch là góp phần cho việc trao đổi, giao lưu văn hóa giữa các vùng miền. Từ việc giao lưu này các di

tích lịch sử văn hóa có cơ hội tiếp nhận những cái mới trên cơ sở chọn lọc, giữ nguyên những nét đặc trưng vốn có của mình, làm cho văn hóa dân tộc ngày càng thêm phong phú, tiên tiến đậm đà bản sắc, vừa có thể hội nhập với văn hóa khu vực mà không mất đi bản sắc riêng của mình theo phương châm “*hòa nhập nhưng không hòa tan*”. Đồng thời qua quá trình giao lưu văn hóa cũng góp phần quảng bá hình ảnh các di tích lịch sử văn hóa địa phương đến với mọi người, mọi vùng miền khác nhau trên thế giới.

Hoạt động du lịch còn góp phần to lớn vào chiến lược bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa để phục vụ cho hoạt động du lịch. Nhu cầu về nâng cao nhận thức trong chuyến đi của du khách thúc đẩy các nhà cung ứng chú ý đến việc khôi phục, duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Và ngược lại việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc lại góp phần làm cho du lịch văn hóa phát triển. Hoạt động du lịch phát triển đã tạo ra nguồn thu để đầu tư cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa. Như vậy qua hoạt động du lịch các di tích lịch sử văn hóa được khai thác phục vụ du khách, mang lại nguồn lợi cho cộng đồng địa phương, giúp cho người dân nhận thức rõ về giá trị của các di tích lịch sử văn hóa, góp phần nâng cao nhận thức của họ trong việc bảo vệ các di tích ấy.

Các điểm du lịch còn tạo ra một không gian sống cho các hoạt động văn hóa dân gian truyền thống gắn với các di tích đặc biệt là các giá trị văn hóa phi vật thể, hoạt động du lịch góp phần thổi hồn vào di tích, đưa các giá trị truyền thống tham gia vào cuộc sống hàng ngày với người dân. Điều này đã góp phần giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc cho mỗi người dân địa phương cũng như những du khách đến từ mọi miền Tổ quốc và kiều bào nước ngoài.

Không những thế hoạt động du lịch còn góp phần giáo dục con người về tình yêu thiên nhiên, tình yêu truyền thống tốt đẹp và những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Qua đó thể hiện lòng tự hào dân tộc, tình yêu đối với đất nước với con người và môi trường xung quanh. Đặc biệt là đối với thế hệ trẻ ngày nay thường xuyên tiếp nhận những yếu tố văn hóa ngoại lai từ bên ngoài, thì việc giáo dục truyền thống, giáo dục ý thức hướng về cội nguồn có ý nghĩa vô cùng lớn lao. Đây chính là yếu tố quyết định vì chỉ khi có tình yêu quê hương đất nước, tự hào về dân tộc mình thì con người mới có ý thức bảo

vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy truyền thống quý báu và tốt đẹp của dân tộc.

Bên cạnh ý nghĩa giáo dục truyền thống thì thông qua hoạt động du lịch về với các di tích lịch sử văn hóa còn đáp ứng yêu cầu văn hóa tâm linh của khách du lịch. Bởi vì gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa là các lễ hội, lễ tưởng niệm các vị thần linh được thờ ở các di tích. Đó là những người có công lập ra làng xã, những tổ nghề, những anh hùng dân tộc... Họ là những vị thần được nhân dân tôn sùng, có sức mạnh và có ảnh hưởng rất lớn, chi phối đời sống tinh thần của con người. Tham gia vào các lễ hội du khách muốn hòa mình vào không khí tung bừng của các cuộc biểu dương lực lượng, biểu dương tình đoàn kết cộng đồng. Nhất là khi con người phải đối mặt với những khó khăn, áp lực của cuộc sống đời thường thì họ luôn có nhu cầu hướng về thế giới tâm linh bên các vị thần để được xoa dịu những nỗi đau trần thế, giúp họ vượt qua được những khó khăn, những thử thách nghiệt ngã của cuộc đời dù chỉ là về mặt tinh thần. Khi gặp những nỗi đau, những điều bất hạnh hầu như bất kì ai cũng có nhu cầu được chia sẻ được an ủi, và chính những lúc rơi vào tình huống như vậy nhiều người sẽ hướng về thế giới tâm linh để cầu mong sự che chở, vỗ về.

Ngoài ra hướng về đời sống tâm linh còn tạo ra sự đoàn kết, tạo ra sự kết nối quá khứ - hiện tại - tương lai. Nó có sức lan truyền mạnh mẽ, tạo ra những cảm xúc, những rung động thiêng liêng và do đó nó có tác dụng tập hợp đoàn kết, gắn bó con người một cách có hiệu quả và dường như còn là một cách giúp con người sống lương thiện hơn, tốt đẹp hơn.

Như vậy có thể nói rằng: du lịch với các di tích lịch sử văn hóa vừa mang tính giáo dục truyền thống vừa đáp ứng yêu cầu văn hóa tâm linh. Đây chính là những yếu tố thu hút một lượng lớn khách du lịch tham gia vào hoạt động du lịch văn hóa về với các di tích lịch sử văn hóa.

Tuy nhiên xét về một khía cạnh nào đó thì du lịch cũng có những ảnh hưởng không tốt đến các di tích lịch sử văn hóa:

Khi hoạt động du lịch ngày càng phát triển, khách du lịch ngày càng đông mà nhiều khi những người quản lý ở các di tích lại không chú ý tới quy mô, sức chứa làm cho các di tích lịch sử văn hóa bị khai thác quá mức dẫn tới tình trạng bị xuống cấp, bị xâm hại nghiêm trọng.

Khách du lịch đến tham quan các di tích lịch sử văn hóa quá đông mà không được hướng dẫn cụ thể hay không có ý thức vô tình đã làm phá vỡ cảnh quan môi trường xung quanh khu vực có di tích. Cộng thêm việc xả rác bừa bãi cũng là một vấn đề đáng báo động gây ô nhiễm môi trường ở các khu vực di tích lịch sử văn hóa vốn được coi là những chốn thanh tịnh.

Mặt khác do chạy theo lợi nhuận kiếm lời không ít người đã làm méo mó các giá trị đích thực của các di tích lịch sử văn hóa bằng việc thuyết minh sai, chèo kéo khách mua hàng, bán hàng kém chất lượng... Điều này vô tình đã làm mất đi ấn tượng không tốt của du khách về các di tích lịch sử văn hóa. Hoạt động du lịch phát triển còn kéo theo nhiều tệ nạn phát sinh tại các khu vực có di tích như: mê tín dị đoan, người ăn xin quá đông hay một số kẻ lợi dụng lúc đông người đã trộm cắp đồ của khách gây hoang mang cho du khách.

Chính những hành động ấy đã làm mai một đi truyền thống dân tộc, làm cho những giá trị tốt đẹp đã có từ lâu đời của dân tộc bị mờ dần do sự lạm dụng vì mục đích kinh tế.

1.2.2.5. Xu hướng phát triển của du lịch với các di tích lịch sử văn hóa

- Gia tăng nhanh chóng về mặt số lượng:

Nền kinh tế phát triển dẫn đến giá cả các dịch vụ giảm đi trong khi mức thu nhập của họ lại tăng. Thu nhập tăng càng cao thì càng nhiều người đi du lịch.

Đời sống xã hội được cải thiện, trình độ giáo dục được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch tăng lên rõ rệt, sự ham hiểu biết và mong muốn tìm hiểu cũng tăng lên trong nhân dân, thói quen đi du lịch hình thành ngày càng rõ.

Mặt khác do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, máy móc dần dần thay thế sức lao động của con người nên làm giảm bớt thời gian làm việc, tăng thời gian rỗi. Điều này góp phần làm cho du khách gia tăng đáng kể.

Quá trình đô thị hóa tạo nên một lối sống đặc biệt là lối sống thành thị. Quá trình đô thị hóa làm thúc đẩy quá trình cải thiện điều kiện vật chất và văn hóa cho nhân dân, làm thay đổi tâm lý và hành vi của con người. Mặt khác, quá trình đô thị hóa làm giảm chất lượng môi trường, có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người. Những tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa làm tăng nhu cầu nghỉ ngơi du lịch của người dân thành phố.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch như lưu trú, vận chuyển.... ngày càng thuận tiện giúp du khách đi lại dễ dàng hơn.

- Xã hội hóa thành phần du khách:

Trước chiến tranh thế giới thứ II du lịch chủ yếu dành cho tầng lớp quý tộc, tầng lớp trên của xã hội. Sau chiến tranh du lịch không còn là đặc quyền của tầng lớp này nữa. Xu thế quần chúng hóa thành phần du khách trở nên phổ biến ở nhiều nước. Và trong bối cảnh đó du lịch đại chúng thời hiện đại đã khẳng định mình.

- Mở rộng địa bàn:

Sau khi người Anh chỉ ra giá trị du lịch của Địa Trung Hải với 3 chữ S, luồng khách Bắc - Nam là hướng du lịch chủ đạo được quan sát trên thế giới. Người Anh, Hà Lan, Đức, Bỉ... đổ về các miền bờ biển Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Ý.

Ngày nay hướng Bắc - Nam vẫn là hướng hấp dẫn nhiều du khách nhưng không còn giữ vai trò áp đảo như trước nữa. Luồng khách thứ 2 ngày nay cũng đã thịnh hành là hướng về các vùng núi cao phủ tuyết được mệnh danh là vàng trắng với các loại hình du lịch: trượt tuyết, leo núi, săn bắn...

Một luồng khách tuy mới phát triển nhưng rất có triển vọng, trong tương lai gần là chuyển động hướng Tây - Đông. Theo các chuyên gia thế kỉ XXI được gọi là thế kỉ châu Á - Thái Bình Dương. Trong những năm gần đây du khách đến các nước này với mục đích làm ăn ký kết hợp đồng, nghiên cứu đầu tư... một số khác đến đây vì cảnh quan hay vì muốn tìm hiểu nền văn hóa phương Đông giàu bản sắc và phần nào kì bí đối với họ.

- Kéo dài thời vụ du lịch:

Một trong những đặc điểm của hoạt động du lịch là mang tính thời vụ rõ nét. Ngày nay với trình độ của khoa học kỹ thuật và khả năng kinh tế, người ta đã và đang khắc phục những hạn chế của thiên nhiên, do tính thời vụ là một yếu tố bất lợi trong kinh doanh cho nên người ta phải tìm mọi cách để hạn chế ảnh hưởng của nó như mở rộng loại hình du lịch, dịch vụ... do đó góp phần tăng lượng khách trong những năm gần đây.

Du lịch văn hóa đang có xu hướng ra tăng, bên cạnh loại hình du lịch tự nhiên, du lịch sinh thái, hoạt động du lịch văn hóa cũng không ngừng phát triển. Có xu hướng này là do một số nguyên nhân sau:

Các đối tượng văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với du khách. Nếu như tài nguyên du lịch thiên nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm có của nó thì tài nguyên du lịch văn hóa thu hút du khách bởi tính phong phú đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó, các đối tượng văn hóa là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú có khả năng thu hút đông đảo du khách với mục đích tham quan nghiên cứu và nhiều mục đích khác. Các tài nguyên du lịch văn hóa thường tập trung ở các điểm quần cư và thành phố lớn. Vì vậy thuận tiện cho du khách tham quan.

Tài nguyên du lịch văn hóa không mang tính thời vụ, không phụ thuộc vào các điều kiện khí hậu và các điều kiện khác. Vì vậy du khách có thể sử dụng loại hình du lịch này vào bất kỳ thời gian nào.

Một trong những đặc trưng của tài nguyên du lịch văn hóa là việc khác nó phụ thuộc rất nhiều vào trình độ văn hóa, nghề nghiệp, lứa tuổi... của khách du lịch. Ngày nay trình độ văn hóa cộng đồng không ngừng được nâng cao, du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của con người. Số người đi du lịch ngày càng nhiều xuất phát từ lòng ham hiểu biết, nhu cầu thích thưởng thức những cảnh đẹp, mới lạ, những nền văn hóa độc đáo của các nước xa gần.

Xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động. Các quốc gia trên thế giới đang trong quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa và nhiều lĩnh vực khác. Vậy nhu cầu giao lưu, tìm hiểu các nền văn hóa của các dân tộc khác nhau trên thế giới cũng là một động lực thúc đẩy khách du lịch tham gia vào hoạt động du lịch văn hóa, khiến cho du lịch văn hóa ngày một phát triển không ngừng.

Tiểu kết chương 1

Duy Tiên là một huyện có các di tích lịch sử văn hóa rất phong phú và đa dạng. Có được điều đó là do bên cạnh việc được thiên nhiên ưu đãi cho một địa thế thuận lợi thì con người Duy Tiên với bàn tay và khối óc của mình cộng với tâm nguyện luôn hướng về cội nguồn từ bao đời nay đã tạo nên những công trình kiến trúc dân gian giàu tính văn hóa và tính lịch sử. Những công trình này không chỉ có ý nghĩa về mặt tâm linh mà nếu được khai thác một cách hợp lý sẽ góp phần mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhờ phát triển du lịch tại đây đặc biệt là du lịch văn hóa.

Du lịch văn hóa hiện nay đang là một hướng phát triển hiệu quả của ngành Du lịch Việt Nam nói chung và Du lịch Duy Tiên nói riêng. Hệ thống các di tích lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc lịch sử đó đã đóng góp vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt, đồng thời đây cũng là tài nguyên quý giá cho sự phát triển của du lịch.

Hoạt động du lịch đã khai thác rất nhiều các yếu tố văn hóa của cộng đồng dân cư Việt được đặc biệt quan tâm chú ý. Những công trình kiến trúc như: đình, chùa, miếu, đền, các di tích cách mạng... gắn với các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân cư Việt. Hoạt động du lịch văn hóa khai thác các yếu tố này để giúp cho du khách có thể hiểu được lịch sử của mỗi vùng miền và cảm nhận được những nét văn hóa đặc trưng của từng vùng đất. Bên cạnh đó hoạt động du lịch văn hóa còn góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống của dân tộc biết giữ gìn những truyền thống và phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì vậy hiện nay sự phát triển du lịch văn hóa đang trở thành một hướng đi đúng đắn để thúc đẩy Du lịch Hà Nam cũng như Du lịch Duy Tiên ngày một phát triển.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH VĂN HÓA TẠI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA Ở DUY TIÊN

2.1. Giới thiệu chung về Duy Tiên

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Duy Tiên nằm ở phía Bắc tỉnh Hà Nam, là cửa ngõ phía Nam thủ đô Hà Nội, huyện lỵ Hòa Mạc, cách thành phố Phủ Lý 20 km; có diện tích tự nhiên 13765,80 ha bằng 16,01% diện tích tự nhiên của Tỉnh, nằm trong tọa độ địa lý từ 105⁰53'26" đến 106⁰02'43" vĩ độ bắc và 20⁰32'37" đến 20⁰32'37" kinh độ đông.

- Phía Bắc giáp huyện Phú Xuyên - Hà Nội.
- Phía Đông giáp huyện Lý Nhân và Tỉnh Hưng Yên.
- Phía Nam giáp thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm và huyện Bình Lục
- Phía Tây giáp huyện Kim Bảng.

Đơn vị hành chính : 19 xã, 2 thị trấn.

Thị trấn Hòa Mạc là trung tâm kinh tế chính trị - văn hóa của cả huyện, nằm trên tuyến quốc lộ 38B nối liền Duy Tiên với huyện Kim Bảng và thị xã Hưng Yên. Đặc biệt trung tâm huyện nằm gần sông Hồng nên rất thuận tiện cho giao lưu với các địa phương khác bằng đường thủy và đường bộ. Ngoài ra huyện còn có thị trấn Đồng Văn nằm trên trục đường quốc lộ 1A, tuyến đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 38B. Hiện nay khu công nghiệp tập trung của Tỉnh đang được đầu tư xây dựng ở địa bàn thị trấn Đồng Văn và một phần của các xã Duy Minh, Bạch Thượng...

Duy Tiên còn là quê hương giàu truyền thống cách mạng. Năm 2002 cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Duy Tiên vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

2.1.1.2. Địa hình

Huyện có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ sông Hồng. Nhìn chung địa hình của huyện khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Địa hình của huyện được chia thành 2 tiểu địa hình:

- Vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang bao gồm các xã: Mộc

Bắc, Mộc Nam, Châu Giang, Chuyên Ngoại, Trác Văn, Yên Nam, Đọi Sơn... có địa hình cao hơn đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Đệp thuộc các xã Đọi Sơn và Yên Nam...

- Vùng có địa hình thấp bao gồm các xã nội đồng như: Tiên Nội, Tiên Ngoại, Tiên Tân, Yên Bắc chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của huyện có độ cao phổ biến từ 1,8 m - 2,5 m. Địa hình bằng phẳng xen kẽ là các gò nhỏ, ao, hồ, đầm.

Tài nguyên đất:

Duy Tiên có diện tích đất tự nhiên 13765,80 ha. Đất đai trong huyện chủ yếu được hình thành do quá trình bồi lắng của phù sa hệ thống sông Hồng và sông Châu Giang. Theo nguồn gốc phát sinh có thể chia đất đai của huyện thành 3 nhóm chính:

- Nhóm đất phù sa: với 6679 ha (48,55% diện tích tự nhiên) đóng vai trò chính trong sản xuất nông nghiệp. Đây là loại đất phân bố hầu hết ở các xã trong huyện, loại đất này được sử dụng với cơ cấu cây trồng cũng như chế độ canh tác khác nhau. Đất phù sa được chia thành 4 loại đất chính sau:

+ Đất phù sa glây có diện tích 2233 ha (16,23% diện tích tự nhiên và 33,43% diện tích của nhóm).

+ Đất phù sa có tầng biến đổi có diện tích 662 ha (4,81% diện tích tự nhiên và 9,91% diện tích của nhóm).

+ Đất phù sa chua có diện tích 2159 ha (15,69 % diện tích tự nhiên và 32,33 diện tích của nhóm).

+ Đất phù sa ít chua có diện tích 1625 ha (11,81% diện tích tự nhiên và 24,33% diện tích của nhóm).

- Cùng với nhóm đất phù sa nhóm đất glây cũng có ảnh hưởng quan trọng tới sản xuất nông nghiệp. Đất glây có diện tích 1839 ha (13,37% diện tích tự nhiên) được chia thành 2 loại đất:

Đất glây sẫm màu có 79 ha (0,57 % diện tích tự nhiên và 4,30% diện tích của nhóm).

Đất glây chua có 1760 ha (12,79 % diện tích tự nhiên và 95,70% diện tích của nhóm).

Loại đất glây được sử dụng chính với mục đích trồng lúa, một vài nơi kết hợp nuôi trồng thủy sản.

- Nhóm đất tầng mỏng có diện tích nhỏ không đáng kể

Đất đai huyện Duy Tiên có địa hình tương đối bằng phẳng hàm lượng các chất dinh dưỡng ở mức trung bình khá, là một trong những điều kiện thuận lợi cơ bản để phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và bền vững trên cơ sở áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu thủy văn trong vùng mang đặc điểm chung của khu vực đồng bằng sông Hồng chủ yếu là chế độ nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh, nhiệt độ trung bình năm dao động từ 23-24⁰ C.

Mùa hạ nóng ẩm, nhiệt độ trung bình là 27⁰ C, nóng nhất là vào tháng 6 và tháng 7, nhiệt độ khi đó lên cao từ 36⁰ C- 38⁰C.

Mùa đông nhiệt độ trung bình là 19⁰ C. Mùa đông kéo dài 3 - 4 tháng, tùy từng năm và thường chỉ thể hiện rõ rệt trong 3 tháng (từ tháng 12 đến tháng 2) nhưng có năm mùa đông có thể đến sớm từ tháng 11 và có thể kéo dài đến tháng 3. Trạng thái thời tiết đặc trưng của mùa này là kiểu thời tiết nóng lạnh bất thường xen kẽ nhau khiến cho biên độ nhiệt giữa những ngày nóng lạnh và nắng ẩm có thể lên tới 15-20⁰ C.

Cả năm có tổng số giờ nắng trung bình là 1276 giờ, số giờ nắng phụ thuộc theo mùa. Các tháng hè có số giờ nắng nhiều, cao nhất là vào các tháng 5, 6, 7 và tháng 10. Ngược lại vào mùa đông thì trời âm u, độ ẩm trong không khí cao, có tháng chỉ có 17 - 18 giờ nắng, còn trung bình chiếm 28% số giờ nắng trong năm.

Độ ẩm: độ ẩm tuyệt đối của không khí có biến trình tương ứng với biến trình nhiệt độ không khí theo thời gian trong năm. Vào giữa mùa đông, là thời kỳ độ ẩm không khí tuyệt đối xuống thấp nhất (10-13mb). Từ nửa sau mùa đông, độ ẩm tuyệt đối tăng dần và cực đại vào giữa mùa hạ (30-40mb), gấp 3 - 4 lần độ ẩm tuyệt đối của không khí vào mùa khô. Sau đó, độ ẩm tuyệt đối của không khí lại giảm dần đến giữa mùa đông. Độ ẩm trung bình tối đa là 92% và tối thiểu là 80%. Đây là độ ẩm đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Chế độ mưa: Nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng và chịu ảnh hưởng của hệ thống hoàn lưu gió mùa nên lượng mưa trung bình từ 1800-2000mm/năm, song lượng mưa phân bố không đồng đều tập trung 85% từ

tháng 4 đến tháng 10, chỉ có 15% vào mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Năm mưa nhiều nhất là 2400mm/năm, năm mưa ít nhất là 1200mm/năm được chia làm 2 mùa rõ rệt:

- Mùa mưa: Thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm 80% có năm chiếm 90% lượng mưa cả năm. Thời kỳ này là thời kỳ thịnh hành của khối khí xích đạo và nhiệt đới có độ ẩm cao đã mang lại lượng mưa phong phú, các trị số lượng mưa ngày, số ngày mưa đạt cực trị thường vào tháng 7, tháng 8 và tháng 9, tương ứng với thời kỳ thịnh hành của khối khí xích đạo và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới cùng với bão. Mưa nhiều mưa tập trung nên thường gây ngập lụt, nhất là khi mưa kết hợp với bão làm nước lũ lên cao.

- Mùa ít mưa: thường kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và chỉ chiếm 15-20 % tổng lượng mưa cả năm. Thời kỳ này tương ứng với mùa đông (khi khối khí cận cực biến tính phương Bắc tràn vào nước ta) cùng với 2 thời kỳ chuyển tiếp là mùa xuân và mùa thu (khi có sự giao tranh giữa các hệ thống hoàn lưu mùa hạ và mùa đông, đồng thời là thời kỳ gió tín phong chiếm ưu thế). Mùa ít mưa là vào tháng chạp, tháng giêng, tháng 2, có tháng không có trận mưa nào. Cũng có năm mưa muộn ảnh hưởng lớn đến việc gieo trồng vụ đông hoặc mưa sớm gây trở ngại cho thu hoạch vụ chiêm xuân.

Chế độ gió : Chế độ gió phân hóa rõ rệt giữa mùa hạ và mùa đông, tốc độ trung bình từ 2-2,3 m/s. Mùa đông chủ yếu là gió mùa Đông Bắc với tần suất từ 60-70% tốc độ trung bình là 2,4-2,6 m/s lớn hơn cả mùa hạ, cuối đông gió chuyển hướng sang hướng đông. Mùa hạ hướng gió thịnh hành là hướng đông nam có tần suất từ 50 - 70%, tốc độ gió là 1,9 - 2,2m/s. Khi có bão tốc độ gió cực đại đạt gần 40m/s. Đầu mùa hạ thường xuất hiện gió Tây Nam khô nóng.

2.1.1.4. Tài nguyên nước

Duy Tiên có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc với 3 con sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Nhuệ và sông Châu Giang:

- Sông Hồng: Đây là nguồn cung cấp nước tưới có phù sa bồi đắp cho đất trồng của Duy Tiên. Chế độ nước sông có 2 mùa rõ rệt, mùa lũ thường bắt đầu từ tháng 6, chậm hơn mùa mưa một tháng và kết thúc vào tháng 10, đạt cao điểm vào tháng 7 hoặc tháng 8. Chiều dài của sông chảy qua huyện 12 km tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Duy Tiên với Tỉnh Hưng Yên. Sông Hồng có

vai trò tưới tiêu rất quan trọng, đồng thời cũng tạo nên một dải bãi bồi màu mỡ cho diện tích đất ngoài đê, bồi cho ruộng đồng qua cống lấy nước tưới Mọc Nam dưới đê sông Hồng.

- Sông Châu Giang: Sông đi qua địa phận huyện từ xã Bạch Thượng qua Đập Phúc và nối với sông Đáy tại thành phố Phủ Lý dài 28 km, đồng thời là ranh giới tự nhiên với huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân. Trên sông có cống điều tiết Đập Sơn làm nhiệm vụ tưới tiêu cho các vùng đất trong huyện.

- Sông Nhuệ: Đây là con sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội qua Tỉnh Hà Tây (cũ) và hợp lưu với sông Đáy tại Phủ Lý. Đoạn qua Duy Tiên dài 13 km, sông Nhuệ có vai trò quan trọng trong việc tưới tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy vào mùa mưa và tiếp nước cho sản xuất vào mùa khô.

Ngoài 3 sông lớn kể trên thì huyện còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ với các ao, hồ, đầm... là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô cạn. Nhìn chung mật độ sông ngòi của huyện khá dày đặc và đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Do địa hình bằng phẳng, độ dốc của các con sông nhỏ nên khả năng điều tiết nước chậm đặc biệt vào mùa lũ mực nước các con sông chính lên cao cùng với mưa lớn tập trung thường gây úng cục bộ cho vùng có địa hình thấp trũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Tài nguyên nước của huyện Duy Tiên được nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm:

- Nguồn nước mặt: Chủ yếu là nước sông, ao, hồ trong đó sông Hồng, sông Nhuệ và sông Châu Giang là nguồn cung cấp nước chính. Về mùa mưa do do ảnh hưởng của mưa lớn tập trung gây ra tình trạng ngập úng cục bộ đối với những vùng đất thấp. Mặt khác huyện còn có mạng lưới kênh rạch nhỏ và ao hồ khá dày đặc là nguồn cung cấp, dự trữ quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra lượng mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp cho nước sinh hoạt của nhân dân.

- Nguồn nước ngầm: Qua khảo sát ban đầu cho thấy huyện có nguồn nước ngầm khá dồi dào. Nguồn nước ngầm ở đây tồn tại trong nhiều tầng và nhìn chung nước có chất lượng tốt đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của con người. Từ năm 1993 đến nay đã được tổ chức UNICEF viện trợ cho

nhân dân trong huyện khoan giếng nước ở độ sâu từ 50-150 m để lấy nước dùng.

Nói chung nguồn nước của huyện dồi dào và dễ khai thác để đưa và sử dụng. Chất lượng nước mặt khá tốt, nước ngầm nếu khai thác đưa vào sử dụng phải qua quá trình xử lý làm sạch.

2.1.1.1.5. Dân cư

Theo số liệu điều tra dân số mới nhất của Duy Tiên thì cả huyện có 130.000 người. Số người trong độ tuổi lao động chiếm 51,5%, trình độ lao động khá, lao động kỹ thuật chiếm 7,44% cao hơn mức bình quân chung của tỉnh.

Qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện năm 2008 thì cả huyện có 3.000 người được giải quyết việc làm, tỉ lệ hộ nghèo 9,5%. Trong những năm gần đây do thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm xuống dưới 1%, giảm tỉ lệ sinh là 0,19%.

Trình độ kinh tế, dân trí và trình độ văn hóa xã hội của cư dân phát triển khá cao, thu nhập và đời sống của đa số người dân đã được cải thiện và nâng cao đáng kể. Đặc điểm nổi trội của cư dân và nguồn lực con người Duy Tiên là truyền thống lao động cần cù vượt lên mọi khó khăn để phát triển sản xuất là truyền thống hiếu học, ham hiểu biết và giàu sức sáng tạo trong phát triển kinh tế, mở mang văn hóa - xã hội. Đây là một nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội và nhân văn

2.1.2.1. Điều kiện kinh tế

Trong những năm qua huyện đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 ước tính đạt 16,04%, đạt 123,38% chỉ tiêu kế hoạch năm, bằng 129,56% so với cùng kì năm 2007.

Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 10,85 triệu đồng, đạt 149,7% chỉ tiêu kế hoạch năm, bằng 168% so với cùng kì năm 2007.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa trong đó giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế năm 2008:

- Nông - lâm - ngư nghiệp ước đạt: 45,2%
- Công nghiệp - xây dựng ước đạt: 33,75%
- Dịch vụ - thương mại và du lịch ước đạt: 21,05%

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện ước đạt 76.365 triệu đồng so với dự toán năm đạt 137,80% bằng 120,40% so với cùng kì năm 2007.

Thu ngân sách huyện ước đạt 123.585 triệu đạt 140,30% dự toán năm, bằng 93,10% so với cùng kì năm 2007.

Tổng chi ngân sách huyện ước đạt 123.585 triệu đồng đạt 140,30% dự toán năm, bằng 104,20% so với cùng kì năm 2007.

2.1.2.2. Điều kiện xã hội

Các hoạt động văn hóa thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, trọng tâm vào công tác tuyên truyền, phản ánh các phong trào thi đua lao động sản xuất, phục vụ các ngày lễ lớn đất nước, của Tỉnh, huyện đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Hiện nay 100% các xã, thị trấn trong huyện có đài phát thanh, 85% số hộ có vô tuyến, đài các loại, thông tin liên lạc thuận lợi, 100% số xã, thị trấn có điểm bưu điện văn hóa xã, số máy điện thoại liên tục tăng, đạt tỷ lệ 2,4 máy/100 dân. Huyện cũng có khu trung tâm văn hóa, thể thao bao gồm sân tập, nhà thi đấu, sân vận động đủ điều kiện. Trên địa bàn huyện có tổng số 49 thư viện, 129 nhà văn hóa thôn, xóm, phố, 100% thôn có sân bóng chuyền.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo có bước chuyển biến khá toàn diện và tích cực. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi cấp Tỉnh, cấp Quốc gia có nhiều tiến bộ. Đến nay toàn huyện có 31 trường đạt chuẩn quốc gia. Trong đó : mầm non 7 trường, tiểu học 19 trường, trung học cơ sở 4 trường và trường phổ thông trung học A Duy Tiên là đơn vị đạt chuẩn quốc gia đầu tiên của Tỉnh Hà Nam. Toàn huyện có 3/3 trường trung học phổ thông, 19/21 trường trung học cơ sở và 14/24 trường tiểu học đã xây cao tầng.

Hệ thống cấp điện : 100% số xã, thị trấn đã có điện lưới quốc gia và trạm biến áp 110kw, một chi nhánh điện. Có 3 trạm điện trung gian là thị trấn Đồng Văn, thị trấn Hòa Mạc và Tiên Hiệp. Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 99,56%. Hàng năm mạng lưới điện thường xuyên được tu sửa, nâng cấp.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 14,2%, không còn hộ đói, hộ giàu tăng

nhanh, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 28,2%.

2.1.2.3. Tâm linh bản địa

Cũng giống như các miền quê khác, yếu tố tâm linh luôn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Duy Tiên. Đây là một loại hình văn hóa tinh thần đặc thù không chỉ của người dân Duy Tiên mà của cả cộng đồng người Việt, lấy đối tượng là sự bày tỏ tình cảm thiêng liêng, niềm tin linh thiêng, sự tri ân của những vị anh hùng dân tộc, những liệt sĩ được tôn làm thánh, làm thần, làm thành hoàng... diễn ra trong một không gian thiêng và thời gian thiêng nhất định.

Và nét đẹp độc đáo trong đời sống tâm linh của người dân nơi đây được thể hiện ở tính đa tạp trong tín ngưỡng và tập tục. Điều này thể hiện rõ nét nhất qua hệ thống thờ cúng ở Long Đọi Sơn. Qua nguồn tư liệu ghi ở chính sử cùng sơ đồ bài trí các khu vực thờ của chùa cho thấy chùa không chỉ là một ngôi chùa lớn, một trung tâm phật giáo giữ vai trò quan trọng đối với vương triều Lý mà còn là nơi hội tụ của nhiều tôn giáo, nhiều loại hình tín ngưỡng. Chùa đảm nhiệm hai chức năng chính “*tiền thần hậu phật*”. Tức là chùa không chỉ thờ Phật mà còn thờ các vị Thành Hoàng làng. Với tính cách là một cơ sở của Đạo giáo chùa còn có một khu vực thờ cúng thứ tôn giáo này. Ngoài ra cũng như bất kỳ ngôi chùa nào trong vùng Bắc Bộ việc thờ cúng ở đây còn được kết hợp với phong tục làng xã (tục đặt hậu, gồm hậu thần hậu Phật) và các hình thức tín ngưỡng dân gian (thờ vạn vật hữu linh, thờ thần nông nghiệp). Với việc thờ các Thành Hoàng làng ở chùa thay cho việc thờ ở đình cùng nhiều loại thần khác chùa Long Đọi Sơn là biểu hiện rõ nét của sự “*hỗn dung tôn giáo*” sự kết hợp chặt chẽ giữa tín ngưỡng dân gian với Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo.

Các di tích đền chùa, đình, miếu... của Duy Tiên còn giữ được cho đến ngày nay là một minh chứng hùng hồn cho sức sống mãnh liệt của các vị thần linh trong cuộc sống hàng ngày của người dân Duy Tiên. Nó chứng tỏ trong cuộc sống tinh thần của người dân nơi đây luôn hướng về các vị thần linh - những đấng linh thiêng bảo vệ cho cuộc sống của họ được bình an, may mắn, thể hiện lòng biết ơn tổ tiên, truyền thống uống nước nhớ nguồn đồng thời có ý nghĩa giáo dục ý thức cộng đồng đặc biệt là các thế hệ trẻ biết kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp của quê hương.

Trải qua bao năm tháng cùng với sự phát triển của đất nước đời sống của người dân Duy Tiên có nhiều đổi thay. Song các di tích và lễ hội vẫn giữ được nguyên giá trị tâm linh và giá trị văn hoá của nó. Nó đã trở thành phong tục truyền thống thể hiện sắc thái riêng của miền quê này. Đây cũng chính là yếu tố hấp dẫn du khách thập phương đến với Duy Tiên, thúc đẩy du lịch Duy Tiên phát triển.

2.2. Các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Duy Tiên

Các di tích lịch sử văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành xác thực và cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá mỗi nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá nghệ thuật của mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hoá có khả năng rất lớn góp phần vào việc phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng hoạt động du lịch văn hóa. Các di tích lịch sử văn hoá gắn liền với môi trường xung quanh đảm bảo sự sinh động của quá khứ đã nhào nặn nên chúng và đảm bảo cho khung cảnh cuộc sống đa dạng của xã hội. Qua các thời đại, những di tích lịch sử văn hoá đó chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hoá, tôn giáo và xã hội loài người. Việc bảo vệ tôn tạo khôi phục những vết tích hoạt động của loài người trong các thời kì lịch sử, những thành tựu văn hoá nghệ thuật và phát huy các giá trị của di tích... không chỉ là nhiệm vụ của nhân loại trong thời kì hiện đại mà còn có giá trị rất lớn đến mục đích du lịch.

Trong quá trình sống con người Hà Nam nói chung và con người Duy Tiên nói riêng đã thể hiện những nỗ lực mạnh mẽ trong việc không ngừng khám phá những bí ẩn của thiên nhiên và chính bản thân mình. Những khám phá của họ trong một mức độ nào đó được chưng cất và đúc kết lại trong các di tích. Các di tích lịch sử văn hoá của Duy Tiên là bằng chứng sinh động - nơi lưu giữ những sự kiện lịch sử tiêu biểu, phản ánh quá trình đấu tranh kiên cường của nhân dân Duy Tiên chống thiên nhiên và chống ách xâm lược, nơi hội tụ tinh hoa giá trị kiến trúc mỹ thuật của nhiều triều đại. Nói chung di tích lịch sử văn hoá của Duy Tiên là rất phong phú và đa dạng với những ngôi đình, đền, miếu, chùa... cổ kính và hết sức quý báu đối với các làng quê của

Duy Tiên nói riêng và của cả nước nói chung. Những ngôi đình là nơi thờ thần, còn gọi là Thành Hoàng làng. Còn đền cũng là nơi thờ thần, thờ thánh, là các vị thiên thần hoặc nhân thần. Chùa là nơi thờ Phật là chính song cũng có nhiều ngôi chùa thờ phối hưởng các vị thần và có thêm điện thờ Mẫu. Ở các đình đền, chùa hàng năm thường diễn ra các cuộc tế lễ và hội làng nhằm diễn lại sự tích của các vị thần, vị thánh. Các lễ hội này thường được diễn ra một cách tôn nghiêm, thành kính nhằm giúp cho dân làng và khách thập phương nhớ tới các vị thần được thờ ở đây.

Theo thống kê của Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch Hà Nam năm 2000 trên địa bàn huyện Duy Tiên có 248 di tích lịch sử văn hoá. Dưới đây em xin đưa ra một số di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu của huyện Duy Tiên có tiếng trong và ngoài địa phương có khả năng khai thác để phục vụ cho hoạt động du lịch văn hóa:

2.2.1. Chùa

Chùa Long Đọi Sơn

Chùa Long Đọi Sơn được công nhận là di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 402/QĐ, 1992. Ngôi chùa được xây dựng trên núi thuộc xã Đọi Sơn huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam. Trước cách mạng tháng Tám núi Đọi thuộc thôn Đọi Nhì, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.

Từ Hà Nội theo quốc lộ 1A đến Đồng Văn rẽ trái đi Hòa Mạc rồi đi tiếp 8 km nữa là tới chùa.

Chùa nằm trên một quả núi giữa đồng bằng, địa thế và phong cảnh nơi đây rất đẹp. Phía đông có dòng sông Châu Giang uốn lượn như một dải lụa ôm ấp các cánh đồng lúa xanh. Hai bên bờ sông là các xã Tiên Phong, Yên Nam... bát ngát bãi mía nương dâu. Đứng trên núi Đọi Sơn nhìn xuống, trông xa phong cảnh như bức tranh thủy mặc. Con đường đá chạy vòng quanh núi thuận lợi cho cả giao thông đường thủy và bộ. Sát chân núi là làng xóm, mái ngói san sát, dân cư đông đúc và trù phú.

Theo truyền thuyết trong dân gian thì núi Đọi nằm trên địa thế cửu long (chín rồng). Các nhà địa lý thời phong kiến thì cho rằng đây là mảnh đất tốt.

*“ Đâu gói núi Đọi
Chân đọi Tuân Vương
Phát tích đế vương
Lưu truyền vạn đại”*

Công trình ở đây là chùa và tháp

Chùa Long Đọi Sơn còn có tên là Diên Linh tự. Chùa do Lý Thánh Tông và Vương Phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Đại Gia và mời thiền sư Đàm Cứu Chi đến chủ trì và tham gia xây dựng). Đến đời Lý Nhân Tông tiếp tục xây dựng phát triển và xây tháp Sùng Thiện Diên Linh từ năm 1118 đến 1121.

Chùa Long Đọi Sơn đứng vững hơn 300 năm. Đầu thế kỉ 15 khi sang xâm lược nước ta giặc Minh đã phá huỷ hoàn toàn chùa và tháp. Riêng bia thì không phá nổi chúng đã lật đổ xuống bên cạnh núi. Khi lên thăm cảnh chùa, vua Lê Thánh Tông có bài thơ khắc ngay sau tấm bia Sùng Thiện Diên Linh trong đó có những câu tố cáo tội ác của giặc:

*“Non cao thành đã cũ xưa
Lên theo đá núi viếng chùa trong mây
Lý triều bia dựng còn đây
Giặc Minh hung bạo đang tay phá chùa...”*

Mãi tới cuối thế kỷ 16, vào năm 1591 đời Mạc Mậu Hợp, tức là gần 170 năm sau khi giặc Minh tàn phá, ngôi chùa bị bỏ phế hoàn toàn, nhân dân địa phương mới “dựng lại bia đồ, bắc lại xà nhà và những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến cho hơn 500 năm, một nơi thắng cảnh trong chốn tùng lâm lại được mới mẻ” (Bài văn khắc mặt sau bia Sùng Thiện Diên Linh). Vào năm Tự Đức thứ 13 (1860), chùa Đọi Sơn có sửa sang thượng điện, tiền đường, nhà tổ, thiêu hương, gác chuông, nghi môn. Đến năm 1864 chùa lại tiếp tục sửa hành lang, đúc tượng Di Lặc, đúc khánh đồng và đúc khánh đá do sư tổ đời thứ 5 là Thích Chiếu Trường chủ trì xây dựng hoàn thành 125 gian, từ đó trở thành trường Bắc kì Phật giáo. Ngôi chùa lúc này được xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc. Tại tiền đường, thượng điện tượng Phật rất nhiều. Hai bên chùa là 18 gian hành lang thờ 18 vị La Hán. Ngay ngõ vào là 2 dãy nhà đắp cảnh thập điện. Ngoài chùa còn có nhà thờ tổ, nhà khách, tăng phòng... tất cả có 125 gian. Trong kháng chiến chống Pháp năm 1945 do chủ trương tiêu thổ kháng chiến chùa bị bỏ hoang suốt 18 năm trời, các sư sãi đều phải tản cư đi nơi khác. Ngay sau ngày hoà bình lập lại, năm 1957 các sư công, các tín đồ Phật tử và nhân dân địa phương cho sửa chữa tôn tạo lại di tích. Ngay cổng chính trước toà Tam Bảo là nhà bia để tấm bia Sùng Thiện

Diên Linh nổi tiếng. Khi xây xong chùa và tháp, nhà vua sai thượng thư bộ hình Nguyễn Công Bật soạn văn bia. Văn bia nguyên có tên là Đại Việt quốc dương gia đệ tứ Sùng Thiện Diên Linh tháp bi, được hoàn thành vào ngày mùng 6 tháng 7 năm Tân Sửu (1121). Nội dung bài văn bia chủ yếu ca ngợi công lao tài trí của Lý Nhân Tông trong việc xây dựng, kiến thiết và đánh giặc giữ nước. Mặt sau tấm bia ghi lại việc tu sửa chùa vào thời vua thứ 5 nhà Mạc (1591), ghi việc thái hậu Ý Lan cúng vào chùa 72 mẫu ruộng làm ruộng đền nhang năm 1121 và khắc bài thơ của Lý Thánh Tông làm vào năm Quang Thuận thứ 18 (1467) nhân dịp nhà vua đi bái yết sơn lăng lên thăm chùa. Sau nhà bia là nhà Tam Bảo, rồi đến chùa chính gồm 6 gian. Phía sau chùa chính là sân, vườn hoa, 2 bên sân là 2 hành lang mỗi bên đặt 9 pho tượng La Hán. Sau cùng là hậu điện. Bên phải chùa, cạnh vườn hoa là nhà thờ tổ, nhà giảng đường và nhà khách. Phía sau nhà tổ là gian nhà Trai, thiền tổ, sau cùng là bếp.

Đi theo lối cổng phụ sẽ đến nơi trước kia có ngọn tháp Chùa Đọi - Sùng Thiện Diên Linh. Cây tháp là một công trình được xây dựng công phu gồm 13 tầng chọc trời, mở 14 cửa hứng gió, ở tất cả các cửa vách đều chạm Rồng. Đây là loại tháp vuông 4 mặt. Ngoài tầng đế và 2 tầng trên không có cửa còn lại 10 tầng mở cửa cả 4 phía. Tháp Sùng Thiện Diên Linh là tháp mộ, tầng trên “Đặt vàng xá li, tỏ tường quang cho đời thịnh sau này”. Tầng đế hợp với tầng đầu tiên thành nơi thờ Phật, trong đó có đặt tượng Đà Bảo Như Lai. Trên các xà của tháp có treo chuông đồng. Đây là loại chuông nhỏ có khả năng là những bộ đỉnh đang, khi gió thổi va vào nhau tạo thành những âm thanh róc rắt. Tầng dưới chân tháp trước đây có “ tám vị khôì ngô đứng chống kiếm trang nghiêm chia đều ở bốn cửa” (nay chỉ còn lại 6 pho tượng). Trên nóc có “ tiên khánh bung mâm, hứng mức ngọc cho bầu trời tạnh ráo”. Cả cây tháp như là một ngọn bút, một tượng đài cao, bao gồm nhiều hình tượng và được thể hiện bằng nhiều phong cách khác nhau. Bên cạnh đó ở rải rác trong các thành phần kiến trúc còn có nhiều tượng trang trí như: tượng chim thần đầu người mình chim đặt trên các con sơn. Tượng giống như ở các cửa cuốn, các đồ dọc. Ngay cả các viên gạch dựng để ghép tường cũng có hình các vũ nữ đang múa.

Các di vật ở chùa Long Đọi còn giữ được như tấm bia Sùng Thiện Diên

Linh, 6 pho tượng kim cương trong số 8 pho có từ ngày xưa là những hiện vật rất quý báu đối với việc nghiên cứu văn hoá nước ta cách đây gần 1 thế kỉ.

Hàng năm cứ đến ngày 21 tháng 3 âm lịch, chùa Đọi mở hội. Nhân dân trong vùng và du khách thập phương đã về đây và văn cảnh chùa. Từ sáng sớm đoàn rước kiệu đã hành lễ từ chân núi lên chùa làm lễ, dâng hương tưởng niệm Lý Nhân Tông, người có công mở mang xây dựng chùa. Sau phần lễ dâng hương là các đội tế nam quan, tế nữ quan tạ ơn trời Phật.

Về phần hội, vào ngày lễ hội chùa Đọi Sơn có nhiều trò vui được tổ chức như nấu cơm thi, thi dệt vải, bơi thuyền, hát chèo hát đối, hát giao duyên, múa tứ linh, đấu vật, đánh cờ người...

Chùa Bạch Liên

Chùa Bạch Liên nằm ở xã Trác Văn. Ngôi chùa được công nhận là di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 402/QĐ, 1992.

Từ Hà Nội về thị trấn Đồng Văn theo quốc lộ 1A sau đó từ thị trấn Đồng Văn theo quốc lộ 60A đi 8km đến ngã ba thị trấn Hòa Mạc rẽ trái khoảng 30 m rồi rẽ phải khoảng 4 km là tới chùa. Đây là một ngôi chùa có nghệ thuật chạm khắc mang tính nghệ thuật cao.

Trước hết là hệ thống cửa võng. Gian chính giữa của tòa tiền đường và bốn vì của tòa Tam Bảo, đều có cửa võng nằm gọn gàng trong khung giữa đại trụ và câu đầu, hoặc đại trụ và xà lòng của công trình. Từ cửa bước vào tòa tiền đường, ngay hàng cột đầu tiên đã xuất hiện hàng cửa võng “cửu long tranh châu” chạm khắc nghệ thuật tạo không khí uy nghiêm. Ở tòa võng thứ hai cũng ở chính diện tòa tiền đường, các nghệ nhân làng Ngọ, xã Tiên Nội huyện Duy Tiên đã không quản công mang hết khả năng tạo nên mô típ dàn nho sinh động làm tiền đường phía trên, lại đến lớp lớp cánh sen dụ đều đặn đổ về hai phía, chạy theo đường diềm phía dưới. Khuôn cửa võng nằm lọt giữa hai đại trụ, phía trên có xà lòng. Cửa võng uốn lượn nhịp nhàng, cân đối theo dạng vành đai. Chính giữa cũng là vị trí cao nhất, trang trọng nhất là hình ảnh Phật đường nơi Tây Trúc, trang nghiêm cao vời vợi. Hai bên là cảnh thỉnh kinh của thầy trò Đường Tam Tạng, Tôn Ngộ Không, Sa Tăng, Bát Giới với những chặng đường mà nghệ nhân diễn tả cách điệu qua thân cây mai hoặc áng mây khiến người xem hình dung trăm nghìn nỗi gian truân trên đường đi thỉnh kinh học đạo. Nghệ nhân còn khéo léo tạo hình chằng hạn như

thú dữ kì quái độc ác, các thần nhân “Kim Cương” oai phong lẫm liệt.

Bức cửa võng thứ ba ở vị trí đầu tiên của tòa Tam Bảo, được bố cục dưới bức đại tự khảm trai với bốn chữ nổi bật “đàm hoa hiện thụ” nghĩa là trong vườn hoa cửa thiền thấy rõ điều tốt lành, do các tín lão trong ấp cúng tiến. Hai bên cửa võng là đôi câu đối chạm khảm trai uốn lượn hình mai với các áng mây bay lượn tầng tầng lớp lớp để tạo nền nâng đỡ các tòa sen mà tứ vị Bồ Tát” đang yên vị tĩnh tọa hoặc tạo thang mây cho “Bát vị Kim Cương” áo mũ cân đai, oai phong trong y phục và đồ khí tượng, đứng trấn giữ các phương, để bảo vệ cho thế giới Phật. Với đề tài “Tứ vị Bồ Tát”, “Bát vị Kim Cương” người thợ truyền thống ở đây đã khéo léo tạo ra cảnh sắc của thế giới tự nhiên rất hòa nhập với các nhân vật. Cũng tại vì này bên xà nách đều trang trí hai nửa cuốn thư (bán cuốn thư), là những tác phẩm chạm khắc gỗ tinh vi, có sự tạo dáng tự nhiên mềm mại của nhánh mai hóa long trông thật hấp dẫn. Dưới cuốn thư cài thêm hai bộ cửa võng nhỏ dưới xà với các họa tiết hoa lá cách điệu làm tăng sự lộng lẫy hoàn chỉnh của vì chính điện Tam Bảo.

Tòa cửa võng thứ tư, cũng gắn với hàng câu đầu, hai bên bám sát đại trụ vừa có giá trị trang trí vừa giữ thêm chức năng cửa giá trị công trình. Nghệ nhân đá khắc họa hai cây tùng hóa long, bên cây tùng có họa tiết đàn nho sinh động nép bóng, điểm thêm bóng hình chim trĩ đang nhảy nhót, nghiêng ngó tìm mồi. Dưới bóng hình đại thụ, người thợ truyền thống làm nghề còn điểm thêm các vòng trang trí như cảnh ao sen có hoa nở rộ, những áng mây nhẹ nhàng lướt bay, ôm ấp mặt nguyệt, vài nhánh mai tốt tươi lấm nụ nhiều hoa núp bóng cây tùng. Nghệ nhân dân gian đã khéo léo biến từ lòng gỗ để làm nảy lên một thế giới tự nhiên như: tùng mai, đàn nho, ao sen, mây tủa và những con chim... vô cùng sống động. Hai bên xà nách của vì này cũng được trang trí bằng các bức vẽ cặp chim phượng đang xòe cánh, vươn đuôi, cảnh ao sen tươi tốt đang nở hoa xanh lá. Với những đường nét tinh tế, mảng chạm bé nhỏ này như gọi lại cảnh ao sen xưa, trước cửa chùa Bạch Liên.

Phần chính diện của cửa võng thứ năm, cũng có các bức vẽ sơn son thếp vàng với hình ảnh “long cuốn thủy”. Dưới đó là hàng phù điêu sen dèo chạm bong và lá lật, để tạo thành cửa võng phụ, bổ trợ làm tăng thêm trọng lượng cho mảng nghệ thuật chính diện.

Vì kèo trong cùng, gần giáp đốc nhà Tam Bảo, không tạo thành cửa võng

vì các bộ đồ thờ được xây dựng theo cấp cao dần, nếu thiết kế cửa võng ở đây sẽ che khuất đi. Nghệ nhân đã chạm khắc một mô típ hoa sen với những đường nét hình dáng mềm mại, nghệ thuật sơn son thếp vàng rất hài hòa với tổng thể của hệ thống cửa võng. Cuốn thư trang trí phía ngoài và rất phù hợp với nội dung hình thức đại tự phía trên “đại hùng bảo điện”, nghĩa là điện thờ này quý giá, hùng tráng, vĩ đại.

Chùa Bạch Liên còn có bộ y môn gồm bốn chiếc làm bằng gỗ, sơn son thếp vàng rất đẹp treo ở mặt tiền tòa tiền đường, giữa những căn xà lòng thượng và hạ cũng có các đai phân mảng trang trí... như mọi y môn cổ truyền của dân tộc. Điều đáng lưu ý là nghệ thuật chạm khắc ở đây rất phong phú, điêu luyện. Cặp y môn phía đông tòa tiền đường với các họa tiết “long cuốn thủy”, long ly quy phượng trông thật hấp dẫn. Cấu trúc được tạo dáng hình đầu rồng rất sinh động với đầy đủ bờm, râu, tóc như đang muốn bay ra ngoài. Nhành mai, nhành trúc được chạm uốn lượn rất sinh động. Ở riềm dưới là các họa tiết phượng múa, ly và quy, bộ đỉnh, bình hoa đặt trên “tám sơn” các họa tiết cuốn thư, cảnh hồng, những dây tua, hạt cườm.

Nếu như y môn phía đông có trúc, mai hóa thành long tài tình thì ở cặp y môn phía tây có tùng, có trúc, có cảnh “tam lân hí cầu” (ba con lân vờn cầu) rồi quy, phượng, bình hoa, đỉnh thờ. Nghệ nhân đã triển khai trên một bố cục linh hoạt, phóng khoáng các hoa lá trên giai y môn không cứng nhắc, luôn phải đăng đối, các khuôn trang trí cũng không nhất thiết phải hoàn toàn giống nhau, nhưng nhìn chung các mảng chạm khắc ở các bộ phận đều giữ được tính thống nhất cao của tổng thể, rõ nhất là ở nguyên tắc đối xứng sao cho thật hài hòa.

Chín bức đại tự, tám câu đối ở chùa đều được gia công nghệ thuật, thể hiện qua một số riềm trang trí, một số làm bằng gấm.

Tượng pháp chùa Bạch Liên được bảo tồn khá cẩn thận nên giữ được khá đầy đủ. Ba pho tam thế trên cùng, ngồi trên tòa sen được phác họa kỳ công thể hiện ba biểu tượng của thế giới Phật, ở cuộc đời tu hoàn hảo từ quá khứ, hiện tại và sau này. Tượng A Di Đà đặt ở vị trí thấp hơn nhưng lại to hơn, bao trùm hơn, cao tới 2 m. Nghệ nhân tạo pho tượng này đã tính toán kỹ tính cân đối từ hình khối, y phục, bộ đồ thờ, tòa sen. Các tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Diệu Thiện là những tượng thuộc dạng lớn, cao tới 1,1m

(không kể bộ) dù ở tư thế ngồi tĩnh tọa hay “bất quyết” đều được chạm nhẵn rất đẹp vừa thể hiện nội tâm vừa thể hiện tư thế đường bộ trên tòa sen nở rộ, các cánh sen đều rất chau chuốt.

Tòa cửu long bằng đồng cao 1,6 m; rộng 1,4 m có hơn 50 pho tượng biểu tượng cho 5 quá trình tu hành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (từ sơ sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai đến cõi niết bàn) bao gồm các pho Bồ Tát, Kim Cương Thị Giả... các pho tượng đang biểu diễn đàn nhạc sáo, nhị. Mỗi pho một cá tính, nhân cách khác nhau nhưng dù tượng đứng hay tượng ngồi đều có nghệ thuật tạo dáng, tạo thế rất điêu luyện.

Chùa Bạch Liên còn có một số đồ thờ tự có giá trị như đôi khám thờ ở hai gian phía tây và phía đông tòa tiền đường. Đây là loại khám lớn cao khoảng trên 2 m; dài 1,7 m; rộng 1,2 m. Khám được thiết kế hai tầng, được gia công nghệ thuật qua các mảng chạm. Đế và bộ khám được chạm khắc rất kỹ. Cột khám được thể hiện bằng họa tiết rồng uốn lượn leo trên cột rất sống động. Một bát hương bằng đồng cao 32 phân, tuy là dạng bát hương vại nhưng trang trí tỉ mỉ, công phu, miệng bát hương có đường viền gờ nổi, chỉ nổi, chân bát hương đúc theo kiểu chân quỳ dạ các, nổi bật các họa tiết “lưỡng long châu nguyệt”, dưới là lá lật, sóng nước và hình ảnh con rùa phun nước.

Đặc biệt chùa Bạch Liên có một khánh đồng cao 1 m; rộng 1,25 m; dài 2 phân. Khánh có chữ “Tự Đức thật tứ niên tuế thứ Tân Dậu cửu nhật nguyệt cải trừ” tức là khánh này được đúc lại ngày 9 tháng 9 năm Tân Dậu niên hiệu Tự Đức thứ 14 (1860). Như vậy là tại chùa Bạch Liên trước kia đã có khánh, không rõ lý do gì mà phải đúc lại. Khánh có 4 chữ lớn: “Tường Lâm thôn khánh” nghĩa là khánh của thôn Tường Lâm và bốn chữ ở mặt sau ghi: “Bạch Liên tự khánh” tức là khánh của chùa Bạch Liên. Đây là chiếc khánh đẹp từ dáng dấp uốn quanh đến đường viền chạy quanh là hàng triện tàu đến phần dưới thân khánh là lớp lớp sóng lượn. Rón khánh có mặt nguyệt nổi cao xung quanh viền hai cườm đều đặn, lại thêm các làn mây tản như các ngọn lửa thiêu bao bọc, bùng cháy. Phần chính diện còn có họa tiết hổ phù nổi, các hàng chữ tiền cúng. Nếu lấy dùi đánh vào núm khánh sẽ có tiếng ngân reo vang xa trong trẻo.

Đồ thờ tượng pháp chùa Bạch Liên được xếp đặt ở vị trí cân đối, hợp lý. Các bộ thờ được làm cao dần làm tăng thêm vẻ uy nghi, lộng lẫy cũng như

khiến cho việc bài trí tượng pháp mang tính nghệ thuật cao.

2.2.2. Đền

Đền Lảnh Giang

Đền Lảnh Giang còn có tên là Lảnh Giang linh từ, tọa lạc tại thôn Yên Lạc, xã Mộc Nam huyện Duy Tiên. Đền được công nhận là di tích cấp quốc gia theo Quyết định 299/QĐ – VH,1996.

Từ thị trấn Đồng Văn, theo quốc lộ 60A đi 8 km đến ngã ba thị trấn Hoà Mạc, rẽ trái đi 5 km đến bến đò Yên Lệnh, ngược bờ đê sông Hồng 3 km là tới đền.

Theo thần phả ngôi đền này thờ tam vị danh thần đời Hùng Vương thứ 18 và Tiên Dung công chúa và Chử Đồng Tử. Tam vị danh thần này là 3 con rấn, con của nàng Quý người trang Hoa Giám (nay thuộc xã Yên Lạc) có công giúp Hùng Duệ Vương chống lại Thục Phán, được phong là Nhạc Phủ thượng đẳng thần, sau được gia phong là Trấn Tây An Nam kỳ linh ứng thái thượng đẳng thần. Trên mảnh đất này còn lưu truyền câu chuyện quen thuộc về Tiên Dung và Chử Đồng Tử trong kho tàng truyện kể dân gian Việt Nam.

Trong thời kỳ cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đền Lảnh Giang còn là cơ sở tin cậy giúp cho phong trào đấu tranh của địa phương thu được nhiều thắng lợi góp phần vào sự nghiệp chung giải phóng đất nước.

Đền tọa lạc trong khuôn viên 3000 m² nơi đây không có đồi núi, nhưng bạt ngàn màu xanh của cây trái, rừng nhãn, bến nước, đầm sen, phẳng phất hào khí của một miền địa linh nhân kiệt, phồn vinh êm đềm. Cửa đền nhìn ra phía đông của dòng sông Nhị Hà (sông Hồng), bốn mùa mênh mang sóng nước. Từ ngàn đời nay sông lặng lẽ chở từng hạt phù sa bồi lên miền quê đất bãi. Giữa sông nổi lên một cồn cát, khiến dòng chảy chia làm hai nhánh mà vô tình tạo ra ngã ba sông. Phải chăng cái tên Tam Giang, Lảnh Giang được đặt từ đây (?). Phía tây đền (cách 300m), mướt mà màu xanh non của lúa, bảng lảng khói lam chiều, thấp thoáng đền thờ đức vua (vua Lê). Giáp xã Mộc Nam về phía bắc Lảnh Giang, thôn Yên Từ, Mộc Bắc trầm mặc ngôi đền thờ Ngọc Hoa công chúa. Phía nam giáp làng Nha Xá, đình thờ Trần Khánh Dư, vị tướng tài giỏi của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người có công đánh giặc Nguyên Mông trên chiến tuyến Vân Đồn (Quảng Ninh). Theo các cụ cao

niên kể lại có một thời Trần Khánh Dư ngụ tại đình Nha Xá, ông đã mang nghề dệt về cho dân làng. Cảm phục tài cao đức trọng của ông nhân dân suy tôn ông Thành Hoàng làng.

Đến đây du khách không khỏi ngạc nhiên trước một công trình kiến trúc đồ sộ, uy linh. Tam quan được xây dựng theo kiểu chồng diêm tám mái, các đầu đao cong vút thanh thoát hình đầu rồng đắp nổi, đan xen mặt nguyệt, lá lật cách điệu mềm mại. Phía trước tam quan là hồ bán nguyệt, nước hồ phẳng lặng như bàn ngọc thạch bày trên những đoá hoa súng màu đỏ tươi. Giữa hồ, ngọn bảo tháp đứng trầm mặc được nối với cửa đền bằng chiếc cầu cong hình lưỡng long hướng địa, ẩn hiện dưới bóng cây si già hàng trăm năm tuổi.

Đền Lảnh Giang được xây dựng theo kiểu “*nội công ngoại quốc*” gồm 3 toà nhà, 14 gian, hai bên có nhà khách, lầu thờ, 4 bên có tường gạch bao quanh. Trong đền có nhiều đồ thờ có giá trị như tượng Tiên Dung công chúa, khánh long đình, khám đặt tượng thờ 3 vị thần thời Hùng Vương được chạm khắc công phu theo phong cách thời Lê. Ngoài ra đền còn giữ được hai kiệu bát cống long đình, một sập thờ và nhiều hoành phi, câu đối, nhang án. Kề bên phía Lảnh Giang về phía bờ sông là ngôi đền thờ Cô Bơ Thoải Phủ (hệ thống thờ Mẫu Việt Nam).

Theo các học giả, dựa vào các tư liệu thành văn (thần phả, sắc phong) và đặc điểm kiến trúc ngôi đền cũng như truyền thuyết địa phương thì mốc thời gian xây dựng đền vẫn chưa có tài liệu nào khẳng định. Ngôi đền còn lại hôm nay, hẳn rằng qua các triều đại trước đó, công trình đã được tu sửa lại nhiều lần. Căn cứ vào những chữ Hán khắc trên cây nóc ở toà đệ nhị thì đền Lảnh Giang được trùng tu lại lần cuối vào niên hiệu Bảo Đại năm thứ 18 (1926 - 1945).

Bởi sự khắc nghiệt của thời gian, trải qua bao thăng trầm lịch sử, ngôi đền đã bị xuống cấp. Những năm qua được sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của chính quyền địa phương, ngành văn hoá các cấp cùng bách gia trăm họ công đức đền đã được tu sửa làm cho đền Lảnh Giang trở thành khu di tích quy mô, bề thế nhưng không mất đi dáng vẻ xưa của ngôi đền.

Từ lâu trong tiềm thức nhân dân vẫn coi đền Lảnh Giang là nơi linh thiêng nên hầu như quanh năm mọi người từ các nơi về lễ bái rất đông. Tuy nhiên tại đây vẫn tổ chức hai kỳ lễ hội chính vào các ngày từ 18 – 25 tháng 6 và tháng 8. Theo truyền thuyết địa phương thì kì lễ hội tháng 6 là dành cho

khách thập phương, còn kì lễ hội tháng 8 chủ yếu đón khách ở quanh vùng. Trong những ngày lễ hội truyền thống này, nhiều trò chơi vui khỏe bổ ích và các cuộc thi đấu đã được tổ chức như: chọi gà, đánh gậy, đấu cờ người, múa sư tử, thi thổi cơm trên quanh gánh, diễn tập trận giả... Vào các buổi tối đều có hát chầu văn ở ngay trước cửa đền.

Đền Yên Từ

Đền Yên Từ nằm cạnh thôn Yên Từ, trước đây là đơn vị hành chính thuộc tổng Mộc Hoàn huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Đền Yên Từ được công nhận là di tích cấp quốc gia theo Quyết định 03/2000/QĐ - BVHTT,2000.

Thôn Yên Từ nằm bên bờ hữu ngạn sông Hồng, thuộc vị trí ngoài chân đê. Với vị trí này sát trục đê nối liền các Tỉnh Hà Nam - Hà Tây (cũ) - Hà Nội cho nên đền Yên Từ có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu văn hoá và phát huy tác dụng tích cực của mình.

Từ Hà Nội về theo quốc lộ 1A đến thị trấn Đồng Văn (45km), từ thị trấn Đồng Văn rẽ trái theo đường 60A qua thị trấn Hoà Mạc (8km), rẽ trái vẫn theo đường 60A về dốc Lệnh (5km), từ dốc Lệnh ngược theo đường đê sông Hồng đi về phía Hà Nội 6 km là tới di tích.

Đền Yên Từ là di tích thờ Nguyệt Hoa công chúa “đệ nhị cung tần” thời vua Hùng Duệ Vương có công lao giúp vua Hùng đánh giặc Thục giữ nước, khi đất nước thanh bình bà là người luôn quan tâm đến đời sống của nhân dân, luôn chú trọng việc sản xuất và yêu dân. Cùng với việc thờ Nguyệt Hoa công chúa đền Yên Từ còn thờ thượng sĩ Đại Vương, một vị tướng của triều Lý có công giúp nhà Lý dẹp giặc Tống xâm lược.

Trong thời kì cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đền Yên Từ là một cơ sở của cách mạng có nhiều thành tích góp phần vào thắng lợi của cách mạng.

Đền Yên Từ là một công trình kiến trúc mang đậm nét phong cách nghệ thuật cổ truyền của dân tộc, thể hiện bàn tay tài giỏi của các nghệ nhân nhân dân. Đền Yên Từ xây dựng sát chân đê sông Hồng mặt nhì ra phía sông Hồng. Đền gồm 3 toà 10 gian làm theo kiểu chữ “*công*” hai bên có lầu thờ. Tiền đường 5 gian dài 15m; rộng 6m, mái lợp ngói nam, nóc xây bờ vuông, hai đầu hồi có hệ thống bờ bằng cùng với cột đồng trụ, đầu cột đồng trụ trang trí hình tượng nghệ trâu. Ba gian gần tiền đường có hệ thống cửa bức bàn bằng gỗ

lim, phía trên bố trí các con tiện. Các vì kèo thiết kế kiểu trồng giường đầu sen phân gian giữa của tiền đường, hai bên vì kèo là các mảng mê cốn, đục bong đề tài tứ quý được gọt tĩa rất công phu, tỉ mỉ. Các gian bên trạm nổi các đề tài tùng, cúc, trúc, mai. Hệ thống bẩy hiên được trạm khắc các cảnh hoa lá cách điệu trông rất mềm mại. Toà trung đường 2 gian dài 6m rộng 8m các vì kèo cũng thiết kế theo kiểu trồng giường đầu xen.

Hậu cung 3 gian: Các vì kèo thiết kế giống như các gian đại bái và toà trung đường, song ở hậu cung phần trạm khắc cũng có phần được coi trọng. Các bức mê ở các vì kèo được đục nổi với hình tượng tứ quý.

Đền thờ tại di tích: Gian giữa hậu cung có một khám thờ dài 1,46 m; rộng 1,2 m; cao 1,7 m; chạm khắc phía mặt tiền rất công phu. Phần bệ khám trước trạm hổ phù, trang trí xen kẽ hoa dây cách điệu. Bốn cánh khám trạm cảnh đào, cúc, đường riềm mái của khám trang trí cảnh lưỡng long châu nguyệt. Bên trong khám có một tượng nữ cao 0,97 m dáng người kiều thiên, thư thái tĩnh tại. Tương truyền là tượng Nguyệt Hoa công chúa, tượng này đã có từ 3 - 4 đời nay. Ngoài khám thờ còn 1 sập thờ rộng 1,33 m; dài 1,7 m; cao 0,41 m bệ kiểu chân quỳ dạ cá, trang trí hoạ tiết hoa cúc xoắn cách điệu và chữ triện ở 4 góc bệ. Toà trung đường: Có 1 bức y môn được trạm khắc cảnh tùng hoá long, cúc hoá phượng và đào hoá long. Xung quanh trang trí các hình ảnh sách thơ văn triện tàu. Toà trung đường còn có hệ thống cánh cửa gồm 4 cánh lối vào hậu cung sơn son thếp vàng trang trí các cảnh rồng phượng được sắp xếp đăng đối.

Ngoài ra toà trung đường còn 1 sập thờ lớn hình vuông kiểu chân quỳ dạ cá có chiều dài 2,6 m; rộng 2,6 m; cao 0,8 m, phần mặt tiền của sập được chạm khắc các cảnh hổ phù, hoa văn triện tàu, hoa lá cách điệu. Toà tiền đường có 3 bức cửa võng lớn, lối vào toà trung đường, các bức cửa võng này được trang trí rất đẹp, bức cửa võng ở gian giữa đại bái được đục đẽo công phu với đề tài phù dung hoá rồng, cảnh ly phượng... Hai cửa võng ở hai bên với đề tài phù dung chim trĩ. Ngoài ra còn có các cuốn thư và đại tự..

Hàng năm lễ hội ở đền Yên Tử được tổ chức vào ngày 20/8 kết thúc vào ngày 24/8. Trong lễ hội có rước kiệu từ đền Yên Tử lên kè Dĩ Phố (ở thôn Dĩ Phố) ra sông Hồng lấy nước rước về đền, từ đền lại rước xuống đền Lãnh và rước về sau đó là tổ chức tế lễ, đồ tế lễ gồm bánh dày, chè kho... Trong lễ hội

có tổ chức các trò chơi truyền thống như: lặn bắt vịt, cờ tướng, leo cầu dây...

2.2.3. Đình

Đình đá An Mông

Đình thuộc thôn An Mông, xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam. Đình được công nhận là di tích cấp quốc gia theo Quyết định 921/QĐ - BT, 1994.

Từ quốc lộ 1A đến thị trấn Đồng Văn rẽ theo đường 60A đi 8 km về thị trấn Hoà Mạc, rẽ theo đường 60B đi 6 km về Điệp Sơn rồi theo đường liên xã 3 km là tới đình.

Đình thờ Nguyệt Nga công chúa, nữ tướng của Hai Bà Trưng. Bà tên thật là Nguyễn Thị Nga, quê ở làng An Mông (còn gọi là làng Mống). Do bà không chịu làm tỳ thiếp cho Tô Định tham lam tàn bạo nên bố mẹ đã bị giết hại. Nợ nước cộng với thù nhà khiến bà chiêu binh sĩ, lấy mảnh đất quê hương làm căn cứ địa chiến đấu. Hiện nay ở An Mông còn có cánh đồng gọi là Đồng Bình nằm trong bãi sậy, tương truyền là căn cứ địa của bà khi xưa. Năm 40, bà cùng vài nghìn nghĩa quân tình nguyện đi theo Hai Bà Trưng chống lại ách đô hộ của quan lại nhà Hán. Sau khi giành được thắng lợi, Hai Bà Trưng phong cho bà là Nguyệt Nga công chúa, cử làm quan tại phủ Lý Nhân. Bà về quê mở tiệc ăn mừng, lập sinh từ ở hai bên sông để sau này làm nơi hương khói thờ phụng. Mảnh đất lập sinh từ ấy đến nay vẫn còn ở khu bãi đất bồi ven sông Châu. Bà còn dạy dân trồng dâu chăn tằm, dệt vải nên người dân ở đâu tôn bà là bà tổ của nghề dâu tằm. Từ nhiều đời nay, trong lễ hội thờ bà, cũng như khi tế tằm dân làng thường cầu khẩn:

*“Cầu cho hoà cốc phong đặng
Cây dâu cũng tốt con tằm cũng tươi”*

Khi Hai Bà Trưng thất thủ phải gieo mình xuống sông Hát, bà rút chạy về quê và tự tận trên ngã ba sông Mông. Nhân dân lập đàn thờ bà, các triều đại đều sắc phong là Nguyệt Nga phu nhân tôn thần. Trong đình An Mông còn đôi câu đối:

*“Hùng khái thoa quân Tô bắc khứ
Anh thư kiếm mã Việt Nam am”*

(Nghĩa là: lớp nữ nhi có khí khái anh hùng đuổi giặc Tô Định về phương Bắc. Người con gái tài ba với thanh gươm yên ngựa giữ yên bờ cõi nước

Nam)

Theo truyền thuyết đình đá An Mông được xây dựng lâu đời ở bãi bồi cạnh bờ sông, chính khu sinh từ của bà Nguyệt Nga. Nhưng sau do sông lở nên phải dời vào vị trí như hiện nay. Đình đá An Mông được sửa chữa do sông lở nhiều lần, đến triều nhà Nguyễn thì toà tiền đường được xây dựng lại bằng đá còn toà nhị đệ và chính tẩm đều được làm bằng gỗ, mái lợp ngói nam. Đình hiện nay có 3 toà được kiến trúc theo kiểu chữ “*công*”: tiền đường 5 gian, toà nhị đệ 2 gian, chính tẩm 3 gian. Độc đáo nhất là toà tiền đường bằng đá được làm theo lối chông rường, mê cốn, có 12 chiếc đại trụ (cột cái). Mặc dù cột cái được làm bằng đá song vẫn được làm theo dáng búp đồng, ở giữa phình to, hai đầu thu nhỏ lại. Hệ thống cột cái, cột quân, cột hiên của đình đá có tới 30 chiếc lớn nhỏ đều được chạm khắc kì công thể hiện sự công phu cũng như nghệ thuật chạm khắc tinh vi của cha ông.

Ngoài các mảng chạm khắc trên đá, đình đá An Mông còn có một số đồ thờ tự có giá trị nghệ thuật đáng chú ý. Ngai thờ ở hậu cung có kích thước 1,2m x 0,60m x 0,60m, được tạo dáng, chạm khắc công phu. Tay ngai với đôi rồng châu uốn lượn có 6 trụ trên cắm xuống sập, phía sau là lưng được bố trí khá hài hoà. Mỗi tay ngai là một chiếc cột nhỏ, có rồng uốn quanh rất có giá trị thẩm mỹ. Sập ngai được phân chia theo tỉ lệ hợp lý, lại tạo các băng cánh sen, triện tàu, các mảng chạm nhỏ trong khuôn viên trang trí như cảnh long châu, hoa chanh rất công phu. Phần thân, đế sập cũng được trang trí như các hoạ tiết hoa lá, hổ phù, mây tán có sức thuyết phục cao.

Đình đá An Mông còn lưu giữ được nhiều đồ thờ tự có giá trị như sập thờ, ngai thờ, kiệu bát cống, một số bức đại tự và nhiều kiếm thờ phục vụ các đội nữ binh trong những ngày lễ hội.

Đình Lũng Xuyên

Đình Lũng Xuyên thuộc thôn Lũng Xuyên, xã Yên bắc huyện Duy Tiên. Đình được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia theo Quyết định 26VH/QĐ, 1988.

Từ thành phố Phủ Lý theo quốc lộ 1A đến thị trấn Đồng Văn 11 km, rẽ tay phải theo đường 60A về thị trấn Hoà Mạc 8 km, lại rẽ tiếp tay phải theo đường liên xã khoảng 1,5 km thì tới đình Lũng Xuyên.

Đình thờ vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt. Theo truyền thuyết của

người dân địa phương con sông Châu chảy qua địa phận lũng Xuyên là con đường thủy mà Lý Thường Kiệt cùng các chiến binh của ông thường qua lại khi đóng quân ở vùng Thịnh Châu hạ và An Xá. Trong các lần tuần binh qua, ông và quân sĩ đã có lần nghỉ tại đây. Xung quanh làng Lũng Xuyên còn thấy rất nhiều các gò đồng, tương truyền đây là nơi để buộc thuyền chiến và để đồ dùng của các đạo quân do Lý Thường Kiệt chỉ huy. Nhân dân địa phương cho rằng Lý Thường Kiệt khi đó từ Thăng Long theo sông Hồng vào sông Châu (có nghỉ tại Lũng Xuyên) rồi ra sông Đáy. Hiện nay vẫn còn nhiều bài văn tế ca ngợi công lao, nhân đức của Thái úy. Ở hậu cung còn có hàng chữ khắc trên xà ngang của vì kèo thứ nhất giáp với tiền đường “Phát Tổng binh Chiên, an dân muôn thuở” chính là đề ca ngợi công lao to lớn của ông đối với đất nước.

Đình được xây dựng trên mảnh đất rộng, cao ráo, thoáng đãng. Đình quay hướng nam, được kiến trúc theo lối chữ “*đình*”, tiền đường 5 gian, hậu cung 3 gian. Toà tiền đường dài 17,20 m; rộng 8,80 m; mái cong, lợp ngói nam, đứng hàng, thẳng lối, ngói lợp kiểu móng rồng. Mặt tiền của toà tiền đường là dãy cửa bức bàn, khung được tạo bởi các gờ chỉ, giữa là ván bung tạo kiểu panô. Hai bên xây bít bằng tường gạch, giữa bức tường có hai cửa sổ. Hai hàng cột trong nhà tiền đường được làm kiểu búp đồng, giữa to hai đầu nhỏ. Dàn mái còn giữ được một số hoành tròn đường kính 12 cm, các lần trùng tu sau này bổ sung nhiều hoành vuông có cạnh 12 cm. Hậu cung 3 gian bắt mái với gian giữa của toà tiền đường, cửa giữa của hậu cung có mảng chạm hai con long mã châu, mặt hổ phù với chân nắm lấy đầu của hai con long mã. Dưới bức chạm là bức đại tự khắc bốn chữ Hán lớn “Son xuyên chung tú” (tức là sáng đẹp cùng sông núi). Ra vào hậu cung chủ yếu qua hai cửa nách, cửa giữa thường xuyên đóng, chỉ mở khi có đại lễ. Ở sân đình còn có hệ thống cột đồng trụ, gồm có đế trụ đắp theo kiểu thất cổ bông, thân cột được đắp nổi ở 4 cạnh, phía trên là đèn lồng và trên cùng là trục đỡ hai quả dành lớn. Tiếp đến là hữu môn và tả môn đăng đối, mỗi cửa có 4 mái cong với đầu đao, ngói ống. Trong sân là hai dãy táo xá, mỗi dãy 3 gian dùng để đón khách trong các kì đại lễ hội. Tổng thể công trình tạo thành một thể thống nhất từ bố cục đến nghệ thuật chạm khắc tạo vẻ cổ kính, thể hiện chiều sâu văn hoá ngôi đình.

Đình Lũng Xuyên có một số mảng chạm khắc đẹp được các nghệ nhân

xưa dày công trau chuốt. Trên các bờ mảng, bờ dải đao góc của đình được đắp các hình con xô, con phượng, đầu kim. Đặc biệt trên bờ nóc đắp đôi rồng châu mặt nhật. Rồng uốn 3 khúc đầu rồng nhô cao đang bay về phía sau, thân rồng được tạo vẩy bằng các mảnh sành sứ. Hai đầu hồi còn đắp hai đầu rồng và có đao công.

Trước đây đình Lũng Xuyên có nhiều đồ thờ tự đẹp. Qua năm tháng chiến tranh nhiều hiện vật bị mất. Hiện nay ở hậu cung chỉ còn lại cỗ ngai thờ thần hoàng Lý Thường Kiệt là tiêu biểu. Cùng với các đồ tế khí khác như quả chuông nhỏ, đỉnh hương đồng và cây nến đồng, ngai thờ đó tạo nên vẻ cổ kính cho ngôi đình thờ vị thành hoàng từ hơn 1 thiên niên kỉ trước. Trong hậu cung còn có chiếc chuông nhỏ cao 50 cm, đáy 30 cm, quai chuông tạo thành hai đầu rồng một thân. Ngoài ra đình Lũng Xuyên còn có bộ tam sự bằng đồng, đỉnh hương và hai cây nến. Đỉnh hương cao 50 cm, thân hình bầu, có gắn hai quai, 3 chân tạo thành chân ly, nắp tạo thành hình con nghê đang cười. Những hiện vật trên đã tạo nên giá trị văn hoá của đình Lũng Xuyên.

Tại nơi đây đêm mùng 9 tháng 8 năm 1945 lực lượng chính của đội quân cách mạng giành chính quyền của huyện đã tập trung để chờ lệnh xuất phát. Sớm ngày 20/8/1945 tại sân đình 3 tiểu đội vũ trang của huyện đã làm lễ tuyên thệ trước lá cờ Tổ quốc, sau đó tiến quân theo kế hoạch đã định.

Đã thành lệ từ xưa đến nay dân làng Lũng Xuyên hàng năm tổ chức lễ hội long trọng vào các ngày lễ thánh như: 5/3 âm lịch (ngày sinh của Lý Thường Kiệt) ngày 15/8 âm lịch (ngày hoá của Lý Thường Kiệt), ngày 25/12 ngày khao quân, ngoài ra còn có các ngày 7/1 ngày húy nhật, ngày 29/2 ngày khai hạ. Các kì lễ hội thường được tổ chức 3 ngày. Lễ vật dùng trong tế lễ gồm có: Thịt lợn, xôi, rượu, bánh dày và chè nấu. Sau khi tế lễ xong thì phát lộc cho mọi người.

2.3. Thực trạng khai thác du lịch văn hóa tại các di tích lịch sử văn hóa ở Duy Tiên

2.3.1. Tổ chức quản lý khai thác các di tích lịch sử văn hoá

Do nhận thức được sâu sắc tầm quan trọng của các di tích lịch sử văn hoá đối với sự phát triển của ngành du lịch, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch Hà Nam đã phối hợp với chính quyền địa phương để có những biện pháp khôi phục lại các di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên để nâng cao chất lượng đưa

vào phục vụ du lịch. Tuy nhiên các di tích lịch sử văn hoá này vẫn chưa được thực sự quan tâm chú ý để phục vụ cho du khách.

Các di tích này chỉ thu hút khách vào những dịp lễ hội, những dịp tế lễ đầu năm, vì vậy chưa phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Do còn hạn chế trong công tác tuyên truyền, quảng bá nên các di tích lịch sử văn hoá chưa đạt hiệu quả cao về mặt kinh tế cùng hàng loạt các điểm bất cập khác trong nếp sống văn hoá, môi trường tự nhiên và xã hội. Bên cạnh đó vốn đầu tư cho các di tích lịch sử văn hoá có tăng nhưng chưa đồng bộ mới chỉ bước đầu quan tâm đến các di tích được xếp hạng quốc gia hay cấp Tỉnh.

Các di tích thường gắn liền với lễ hội nhưng các điều kiện về tài chính, kỹ thuật và cơ sở vật chất để thực hiện các dự án lớn nhằm nghiên cứu phục hồi và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể chưa được quan tâm đúng mức. Do đó tại các di tích lịch sử văn hoá chưa thu hút được nhiều khách du lịch. Đồng thời việc khai thác các di tích vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao nên gây ra thực trạng lãng phí tài nguyên.

Trình độ quản lý trong việc thu hút vốn đầu tư vào các dự án quy hoạch du lịch còn hạn chế dẫn đến khả năng thu hút khách du lịch đến với Duy Tiên không nhiều. Thêm vào đó là tại một số các di tích lịch sử văn hoá đã tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ, không làm đúng hướng dẫn hoặc không xin ý kiến chỉ đạo của các chuyên ngành để tu bổ nên nhiều trường hợp đã làm phá vỡ nguyên gốc của di tích. Hơn nữa Nhà nước chưa có kinh phí hỗ trợ nên việc uốn nắn hướng dẫn tới các cơ sở cũng thiếu tính thuyết phục. Tình trạng tu bổ tùy tiện, thương mại hoá các hoạt động lễ hội hay ở một số di tích việc tôn tạo lại do một số nhà sư trụ trì hoặc do một số cá nhân đứng ra tu bổ lại nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do không hiểu hết các giá trị đích thực của chúng.

Ngoài ra các nhà nghiên cứu cũng chưa có đầy đủ điều kiện tài chính kỹ thuật và cơ sở vật chất để thực hiện các dự án lớn nhằm nghiên cứu bảo tồn tiến hành phục hồi và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể. Do đó tại các điểm di tích lịch sử văn hoá chưa thu hút được nhiều khách du lịch.

Khơi dậy tiềm năng du lịch, đó là mục tiêu là sự phấn đấu của ngành du lịch và các cấp các ngành của huyện Duy Tiên cũng như trong toàn Tỉnh Hà

Nam.

2.3.2. Sản phẩm du lịch văn hóa

Sản phẩm du lịch văn hóa được hiểu là các sản phẩm văn hóa và các dịch vụ cần thiết nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách tham gia du lịch văn hóa hoặc các loại hình du lịch khác có kết hợp với du lịch văn hóa.

Nhìn chung sản phẩm du lịch gắn với các di tích của huyện Duy Tiên còn hạn chế và chưa tạo được sự khác biệt so với các địa phương khác. Theo cách phân loại của các nhà nghiên cứu thì ở Duy Tiên vừa có lễ hội lịch sử, lễ hội tôn giáo, lễ hội văn hoá nghệ thuật và lễ hội nông nghiệp. Nhưng lễ hội thu hút đông đảo khách du lịch là lễ hội chùa Long Đọi Sơn, lễ hội đền Lảnh Giang, lễ hội Đình đá... Các lễ hội ở đây còn lưu giữ được nhiều trò chơi phản ánh tín ngưỡng cổ xưa của cư dân nông nghiệp lúa nước như trò vật cầu ở lễ hội đình An Mông... và nhiều trò chơi khác như đánh đu, chọi gà, múa rồng, múa lân... Đây là những bằng chứng vật chất lưu giữ những giá trị văn hoá lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước của các thế hệ nhân dân Duy Tiên.

Tuy nhiên khách du lịch đến với các lễ hội này chủ yếu là nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Hoạt động tham quan tìm hiểu về các di tích còn hạn chế. Bên cạnh đó du khách đa phần là bà con quê hương nên việc tăng nguồn thu bằng các hoạt động của lễ hội còn hạn chế...

Một số di tích của Duy Tiên lại nằm trên địa bàn của các xã có nhiều làng nghề truyền thống như: làng trồng Đọi Tam ở xã Đọi Sơn, làng dệt lụa Nha Xá ở xã Mộc Nam, làng mây giang đan Ngọc Động ở xã Hoàng Đông... các làng nghề thủ công truyền thống này đã góp phần không nhỏ vào việc thu hút một số lượng khách đến với các địa phương nói chung cũng như đến với các điểm di tích nói riêng. Tuy nhiên các mặt hàng này chưa tạo ra được sự khác biệt so với một số địa phương cùng nghề trong cả nước nên mới chỉ có nhân dân trong Tỉnh và một số Tỉnh lân cận biết đến trừ làng trồng Đọi Tam đã nổi tiếng trong và ngoài nước.

Việc bán đồ lưu niệm, ấn phẩm liên quan đến di tích còn hạn chế. Bên cạnh đó các quầy bán lại nhỏ lẻ tự phát, không quy mô. Do đó khách đến các di tích ở đây trở về hầu như không lưu giữ lại được nhiều về hình ảnh của di tích mình đã đến.

Tại các di tích việc bán đồ ăn cho khách rất mất vệ sinh, thức ăn đồ uống được bày la liệt bên đường. Trong khi đó các nhà hàng phục vụ ăn uống hợp vệ sinh thì hầu như vắng bóng. Tình trạng này dẫn đến đa số khách tới văn cảnh đình chùa hoặc vào các dịp lễ hội họ thường mang theo đồ ăn uống nên việc bán hàng cho khách mang lại nguồn thu rất ít cho người dân địa phương.

Thị hiếu của khách ngày càng đa dạng trong khi đó các sản phẩm du lịch gắn với các di tích lại hạn chế nên du khách đến với Duy Tiên chủ yếu là khách nội địa, khách quốc tế đến với Duy Tiên chủ yếu là tìm cơ hội liên doanh. Phần lớn khách du lịch chỉ đi về trong ngày và chỉ đến với các di tích tiêu biểu như chùa Đọi, đền Lảnh... Đồng thời khách du lịch cũng chỉ tập trung vào những ngày có lễ hội lớn tại các di tích nên các di tích ở đây bị phụ thuộc và mang tính thời vụ.

Các di tích lịch sử văn hoá của Duy Tiên đa dạng nhưng chưa được khai thác một cách có hiệu quả, chủ yếu mang tính tự phát. Ngay chính bản thân các địa phương cũng như ngành văn hoá cũng chưa coi trọng đầu tư phối hợp với các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài Tỉnh để thiết lập những tour du lịch hay, hấp dẫn để từ đó tăng lượng khách đến với các di tích.

Sản phẩm du lịch ít lại không phong phú, đó là những hạn chế mà ngành Du lịch Duy Tiên cũng như Du lịch Hà Nam cần phải khắc phục và tìm ra phương hướng giải quyết. Có như vậy thì Du lịch Duy Tiên mới có thể phát triển được.

2.3.3. Khách du lịch

Khách du lịch là cơ sở cho sự phát triển của ngành du lịch. Từ khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường nhất là trong những năm gần đây nhờ có những thành tựu trong công cuộc đổi mới nền kinh tế mà thu nhập của người dân ngày càng cao, từ đó nhu cầu đi du lịch của người dân cũng ngày một tăng. Quan điểm hướng về cội nguồn, tìm lại những nét văn hoá giàu bản sắc dân tộc đang dần được khôi phục lại với các di tích lịch sử văn hoá và các phong tục tập quán cũng ngày càng được quan tâm đã thu hút một số lượng không nhỏ khách du lịch tìm về với các di tích. Đó là cơ sở quan trọng để phát triển loại hình du lịch văn hóa.

Theo thống kê những năm gần đây lượng khách du lịch đến với Duy

Tiên có sự tăng lên, năm sau cao hơn năm trước, năm 2005 số khách đến Duy Tiên là 29.763 lượt đến năm 2008 số khách đã tăng lên là 35.317 lượt khách. Đây là điều đáng mừng cho Du lịch của Duy tiên nói riêng và Du lịch Hà Nam nói chung.

Khách du lịch đến Duy Tiên chủ yếu là khách nội địa đến từ các Tỉnh lân cận như: Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Hải Phòng... chủ yếu họ dừng chân trong ngày không lưu trú qua đêm. Lượng khách tập trung chủ yếu vào các tháng đầu năm do có nhiều lễ hội, đặc biệt là lễ hội chùa Hương gần đó. Mức chi tiêu trung bình của khách khi dừng chân qua huyện thấp chỉ từ 100.000 - 150.000 VNĐ/Khách.

Khách quốc tế đến Duy Tiên có số lượng tương đối ít, có xu hướng tăng rất chậm. Họ đến Duy Tiên bằng đường bộ, mục đích chính của họ là tìm cơ hội liên doanh, ký kết hợp đồng mua bán với các làng nghề truyền thống và quá cảnh qua thành phố Phủ Lý. Chiếm tỉ lệ khá cao là khách đến từ các nước Tây Âu (chiếm 70%), khách châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan và các nước Đông Nam Á... (chiếm 30%). Số ngày lưu trú của họ dao động trên dưới 1 ngày.

Khách đến với các di tích chủ yếu là: học sinh ở các trường trong địa bàn huyện đến để tìm hiểu và tham quan. Khách là thương nhân đến đây chủ yếu là để cúng bái cho buôn bán phát tài phát lộc. Còn lại là khách vắng lai đến với các di tích nhằm thoả mãn những nhu cầu riêng của họ.

Nhìn chung khách đến Duy Tiên chủ yếu là khách quá cảnh và dừng lại tham quan, nhất là các di tích chỉ là điểm ghé qua. Tình trạng trên là do một số nguyên nhân cơ bản sau:

- Trên địa bàn huyện hiện nay hoạt động phục vụ du lịch còn thấp kém, hệ thống khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ chất lượng thấp. Ngoài ra ở huyện cũng như chưa có khu vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách tham quan không nhiều và chất lượng thấp, hàng hoá phục vụ cho du lịch còn ít đặc biệt là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và đặc sản của huyện chưa được phổ biến rộng rãi, chưa có điểm giới thiệu sản phẩm của địa phương.

- Tính mùa vụ ở các di tích lịch sử văn hoá còn rất cao, lượng khách chỉ tập trung vào dịp lễ hội và thời gian lưu trú của khách lại rất ít, sản phẩm du lịch của khu di tích còn nghèo nàn, chưa tạo được sản phẩm du lịch độc đáo

và mang tính đặc thù riêng.

- Đội ngũ hướng dẫn viên chưa thực sự đầu tư về kiến thức và thời gian đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên tại các di tích không những thiếu kiến thức về chuyên môn mà còn thiếu kiến thức về tâm lý, tập quán giao tiếp ứng xử với khách du lịch. Vì thế đa số khách chỉ đến một lần và không quay trở lại lần thứ hai.

- Về việc đầu tư phát triển cho các di tích còn mang tính tự phát, manh mún do kinh phí ít, mới chỉ chú ý đến hiệu quả trước mắt mà chưa thực sự chú ý đến việc phát triển du lịch bền vững, công tác xúc tiến quảng bá cho khu di tích còn chưa thực sự được đầu tư đúng mức.

Một nguyên nhân nữa là do các di tích chưa được bảo vệ, trùng tu quy hoạch thành các điểm du lịch nên du khách đến đây thường là với mục đích tâm linh và vào các dịp lễ hội là chủ yếu.

2.3.4. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch văn hoá ở Duy Tiên

Duy Tiên là huyện có những thuận lợi về giao thông đồng thời Duy Tiên còn là cửa ngõ phía Nam thủ đô... nơi có đường quốc lộ 1A và có tuyến đường sắt Bắc- Nam chạy qua. Ở đây không chỉ phát triển giao thông đường bộ mà còn phát triển giao thông đường thủy đặc biệt là hiện nay tại Đập Phúc (Hợp Lý - Lý Nhân- Hà Nam) nơi giao nhau giữa hai huyện Duy Tiên và Lý Nhân đang xây dựng âu đập rất lớn để cho thuyền bè qua lại trong tương lai không xa nơi đây sẽ trở thành một nơi buôn bán sầm uất, đồng thời cũng làm giảm lượng xe trên các tuyến đường bộ. Hệ thống đường quốc lộ, đường liên Tỉnh liên huyện đã được trải nhựa và bê tông hoá kiên cố. Đường vào các di tích hầu như đã được rải bê tông rất thuận lợi cho việc đi lại và tham quan của du khách, bên cạnh đó vẫn còn một số di tích đường đi vào còn gặp nhiều khó khăn như đường đi nhỏ và chưa được rải nhựa vì vậy mà khi trời mưa việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn.

Phương tiện phục vụ du lịch cũng rất ít và cũng mới chỉ có ô tô. Trên địa bàn huyện chưa có một doanh nghiệp nào đứng ra kinh doanh trên lĩnh vực này, chỉ đơn thuần là các cá nhân đứng ra kinh doanh nhỏ lẻ với số lượng rất hạn chế. Đây là một cản trở lớn, làm giảm đi tính hấp dẫn du khách bởi khi du khách đến tham quan họ không có một loại phương tiện gì khác ngoài ô tô

để đi lại, một nguyên nhân gây ra sự mệt mỏi và ức chế đối với khách.

- Hệ thống cung cấp điện nước và cơ sở y tế:

Về điện: Hệ thống điện lưới của huyện đang không ngừng được đầu tư, nâng cấp có nhiều tiến bộ so với những năm trước đây. Điện đã có mặt ở 100% số xã, thị trấn phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân cũng như nhu cầu sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Hiện nay cả huyện có 3 trạm điện trung gian là thị trấn Hoà Mạc, thị trấn Đông Văn và Tiên Hiệp. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,56%.

Về nước: Hệ thống cung cấp nước sạch mới được đưa và một số thôn xã như: Nha Xá, Mộc Nam, chợ Lương, xã Yên Bắc. Còn lại các hộ dân chủ yếu dùng nước từ bể chứa nước mưa, giếng khơi và giếng khoan.

Về y tế: Huyện có bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế huyện, phòng khám đa khoa khu vực Đồng Văn, 21 trạm y tế cơ sở và 3 phòng khám chữa bệnh tư nhân: phòng khám Thống Nhất, phòng khám Hoa Hồng và phòng khám chuyên khoa Bảo An. Công tác xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã được UBND huyện quan tâm. Chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế huyện đang ngày càng được nâng cao so với trước, đội ngũ y bác sĩ có trình độ chuyên môn đã được bổ sung hàng năm. Đến nay, Duy Tiên đã có 14/21 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Cơ sở lưu trú:

Trên địa bàn huyện chưa có một khách sạn nào đạt tiêu chuẩn, do vậy không có khả năng để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch quốc tế. Chỉ có một số nhà nghỉ do tư nhân xây dựng với quy mô vừa và nhỏ, trang thiết bị phục vụ ở mức trung bình, nằm rải rác trong toàn huyện, tập trung nhiều nhất là ở khu vực thị trấn Đồng Văn, thị trấn Hoà Mạc và trên các trục đường quốc lộ.

Do có quy mô nhỏ nên các cơ sở lưu trú ở đây chủ yếu phục vụ khách qua đường, khách bình dân và khách vắng lai với thời gian lưu trú không nhiều. Hầu hết các nhà nghỉ chỉ làm nhiệm vụ về kinh doanh dịch vụ lưu trú, một số kinh doanh loại hình ăn uống nhưng chất lượng chưa cao không đáp ứng được đòi hỏi cao về mặt chất lượng. Nhân viên phục vụ thì hầu hết không có chuyên môn nghiệp vụ chủ yếu là người thân trong gia đình đứng ra làm theo kinh nghiệm.

- Cơ sở phục vụ ăn uống:

Hiện nay các cơ sở phục vụ ăn uống ở Duy Tiên chỉ là các nhà hàng nhỏ, hoạt động độc lập với hoạt động kinh doanh lưu trú. Thường nằm ở các khu đông dân cư, thị trấn... Và cũng giống như các cơ sở lưu trú quy mô, chất lượng của các cơ sở phục vụ ăn uống cũng ở mức trung bình và nhỏ, thực đơn đơn giản chỉ là các món ăn thông thường, bình dân... chỉ có một vài nhà hàng phục vụ các món ăn độc đáo mang hương vị núi rừng.

Mặt khác hiện nay các cơ sở vui chơi giải trí hầu như không có trên địa bàn, các quầy bán hàng và giới thiệu đồ lưu niệm, các sản phẩm đặc trưng của địa phương cũng chưa có. Đây cũng là một trong các nguyên nhân khiến Duy Tiên chỉ là điểm dừng chân của khách mà không giữ chân họ được lâu. Do vậy mà hầu như khách chỉ đến đây một vài giờ hoặc chỉ một ngày, bởi ở đây họ không có gì để vui chơi và tiêu tiền.

2.3.5. Hiệu quả kinh tế - xã hội từ việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá

Doanh thu từ hoạt động du lịch bao gồm những khoản thu do khách chi trả như: các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, bán đồ lưu niệm... Trong thực tế các khoản này không do ngành du lịch quản lý trực tiếp thu hết mà còn có sự tham gia của nhiều ngành dịch vụ khác...

Hệ thống các di tích lịch sử văn hoá ở Duy Tiên cũng vậy, thực tế dẫn đến khó khăn trong việc thống kê doanh thu thuần túy. Doanh thu tại các di tích quá ít nên hầu như không được thống kê. Nguồn thu được đến đâu lại phải chi vào việc khắc phục hậu quả sau mỗi lần có lễ hội hay khắc phục sự tàn phá của thời gian. Mặt khác trong cơ cấu kinh tế hiện nay, nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia vào hoạt động kinh doanh du lịch nên công tác thống kê chưa chính xác và chưa phản ánh được tình hình thực tế của ngành.

Mặc dù Duy Tiên là huyện có nguồn di sản văn hoá phong phú và đa dạng đó là tiềm năng lớn để phát triển du lịch văn hoá của huyện. Song theo như tình hình thực tế ta thấy hiệu quả kinh tế của hoạt động kinh doanh du lịch khai thác từ các di tích lịch sử chưa cao, chưa tương xứng với những gì đang có. Du lịch chưa khẳng định được vai trò là ngành kinh tế quan trọng của địa phương, đóng góp chưa đáng kể trong cơ cấu GDP chung của toàn huyện.

Ngành du lịch huyện trong những năm gần đây doanh thu đã tăng lên nhiều lần so với những năm trước. Tuy nhiên, tỉ trọng lại giảm trong cơ cấu

kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng. Hiện nay đóng góp của ngành du lịch vào ngân sách của huyện tuy có tăng nhưng không đáng kể so với yêu cầu về vốn đầu tư lại rất lớn. Chính vì vậy xét trên tính hiệu quả về kinh tế thì du lịch là ngành đem lại hiệu quả kinh tế không cao. Tính đến nay doanh thu của ngành du lịch huyện quá ít nên chưa được thống kê riêng, nó được tính chung với ngành dịch vụ.

Về mặt xã hội thì du lịch có đóng góp vào giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Tuy nhiên ngành phát triển còn ở dạng tiềm năng nên số lượng tham gia không nhiều. Theo thống kê của phòng văn hoá thông tin huyện cho thấy số lao động hoạt động trong ngành dịch vụ năm 2005 là 315 người đến năm 2008 đã tăng lên là 798 người. Tuy nhiên chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế, tính chuyên môn nghiệp vụ chưa cao, đa số hoạt động theo phong trào tại các điểm du lịch - dịch vụ nổi tiếng của huyện.

Nhìn một cách tổng thể cho thấy những chỉ tiêu trên đã thể hiện cho một thực tế khởi sắc của ngành du lịch huyện. Du lịch đã và đang có những đóng góp nhất định trong đời sống xã hội của người dân huyện Duy Tiên, điều quan trọng hiện nay là sự quan tâm của các cơ quan chức năng huyện và tỉnh trong việc biến du lịch huyện phát triển đi lên, đem lại thành công và có được vị trí mới xứng đáng hơn nữa trong tương lai, trong nền kinh tế - xã hội của huyện trong tương lai không xa.

2.3.6. Đánh giá chung

- Thuận lợi:

Duy Tiên là huyện có hệ thống các di tích lịch sử văn hoá đa dạng, các di tích lịch sử, kiến trúc mỹ thuật cũng như lễ hội độc đáo của các di tích là nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn để khai thác phục vụ du lịch.

Thêm vào đó là nền kinh tế của Duy Tiên hiện nay đang trên đà phát triển, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Chính sự phát triển đó đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch. Không những thế, Duy Tiên lại có vị trí rất thuận lợi về giao thông đó là có quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy qua.

Với các yếu tố trên Duy Tiên hoàn toàn có khả năng khai thác có hiệu quả và bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá phục vụ du lịch.

- Hạn chế:

Tuy nhiên bên cạnh những mặt thuận lợi đó thì vẫn còn nhiều hạn chế chưa thực sự đánh thức được hết tiềm năng và chưa khai thác hết được các giá trị nguồn tài nguyên du lịch hiện có của huyện:

Hoạt động du lịch của huyện mới chỉ ở dạng sơ khai chủ yếu là thông qua các di tích lịch sử, các hoạt động lễ hội truyền thống về lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng hay các lễ hội về tập quán sản xuất và sinh hoạt của các làng xã hay cộng đồng dân cư địa phương. Song các hoạt động ở đây chưa mang ý nghĩa của hoạt động du lịch và chưa được tổ chức trên phương diện phát triển du lịch.

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng chưa được quan tâm phát triển. Nhiều di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh bị xuống cấp. Việc thiếu các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, cơ sở vui chơi giải trí đang là trở ngại lớn cho nhu cầu lưu lại tham quan của du khách. Điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến việc tăng doanh thu của ngành du lịch. Thêm vào đó do huyện còn thiếu các điểm du lịch hấp dẫn và các dịch vụ chất lượng cao, năng lực cạnh tranh của các đơn vị kinh doanh du lịch còn hạn chế. Mạng lưới kinh danh du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch huyện cũng như chất lượng phục vụ chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

Số lượng và chất lượng lao động trong ngành du lịch còn nhiều hạn chế. Đa phần là lao động phổ thông ít được đào tạo chính quy về chuyên môn nghiệp vụ, ý thức của người dân bản địa chưa cao. Đây cũng là một trong những trở ngại cho việc nâng cao chất lượng phục vụ du lịch trong huyện.

Ngoài ra vấn đề quảng bá tiếp thị hiện nay chưa được chú trọng đầu tư, không tiến hành phát tờ rơi thường xuyên cũng như không tổ chức các buổi hội trợ du lịch trong huyện và mở rộng hơn là cấp Tỉnh và khu vực. Nhiều điểm du lịch hiện nay đang bị khai thác không hợp lý và chưa được quan tâm đúng mức đến vấn đề bảo vệ môi trường dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nhất là vào mùa cao điểm về du lịch và lễ hội.

Tính mùa vụ du lịch ở đây khá cao, khách chỉ tập trung vào dịp có lễ hội. Sản phẩm du lịch nghèo nàn, chưa tạo được sản phẩm độc đáo và mang tính đặc thù riêng, mới chỉ đơn thuần là du lịch lễ hội kết hợp với tôn giáo tín

ngưỡng. Và hầu các di tích ở đây đều không bán vé tham quan, mức thu phí chỉ là vé trông xe để phục vụ bộ máy phục vụ và tu sửa nhỏ.

Vì vậy muốn khai thác một cách có hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá cho du lịch cần phải có biện pháp quy hoạch đầu tư phát triển hợp lý, cần có sự quan tâm của các cấp các ngành đến việc phát triển du lịch của huyện.

Tiểu kết chương 2

Duy Tiên là huyện có rất nhiều lợi thế cho phát triển du lịch đặc biệt là loại hình du lịch văn hoá về với các di tích lịch sử văn hóa. Các di tích lịch sử văn hoá trên mảnh đất Duy Tiên không những nhiều về số lượng mà còn phong phú về loại hình, đa dạng trong cách thể hiện. Những đình, chùa, miếu... luôn đan xen nhau trong khắp các làng xã trong huyện với đủ các loại hình di tích: di tích khảo cổ học, di tích lịch sử bao gồm cả di tích cách mạng và di tích kiến trúc nghệ thuật. Không chỉ thế khối di tích phi vật thể của Duy Tiên cũng không có thể kể hết được. Đó là những thần phả, sắc phong, hoành phi câu đối... cũng đủ cho ta thấy những giai đoạn lịch sử khá toàn vẹn và sinh động. Có thể nói đây là những tài nguyên vô cùng quý giá, bởi đó là những trang sử sống, phản ánh sự phát triển của các giai đoạn lịch sử khác nhau và tài năng sáng tạo của con người đương thời. Nhưng hiện nay hầu hết vẫn ở dạng tiềm năng. Việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá cho hoạt động du lịch văn hoá còn chưa đúng hướng, chưa phát huy được hết các tiềm năng vốn có. Vì vậy cần phải có các giải pháp để khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá, tận dụng được các tiềm năng vốn có để đưa Du lịch Duy Tiên trở thành ngành kinh tế quan trọng nhưng đồng thời vẫn giữ được các giá trị truyền thống của các di tích.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA Ở DUY TIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA

3.1. Định hướng phát triển du lịch Hà Nam thời kì 2000 - 2010.

Căn cứ vào tiềm năng và nguồn lực phát triển du lịch của Tỉnh, đồng thời căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nam và định hướng chiến lược phát triển tổng thể Du lịch Việt Nam thời kì 2000 - 2010, ngành Du lịch Hà Nam xây dựng định hướng phát triển của ngành thời kì 2000 - 2010 với mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 thu hút khoảng 150.000 lượt khách mỗi năm, doanh thu toàn ngành đạt khoảng 60 tỷ mỗi năm. Phát triển du lịch gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn. Để đạt được mục tiêu trên, định hướng phát triển của ngành sẽ tập trung vào một số vấn đề chủ yếu sau:

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh du lịch trên cơ sở xã hội hóa các hoạt động kinh doanh trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế trong và ngoài Tỉnh tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ và cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại.

- Phát triển một số loại hình du lịch có tiềm năng và lợi thế như: du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, lễ hội, thể thao, du lịch quá cảnh, du lịch danh thắng, du lịch làng nghề nông thôn... Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch và dịch vụ du lịch để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của du khách.

- Đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực du lịch, đảm bảo đủ về số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên và lực lượng nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch và khả năng cạnh tranh của du lịch Hà Nam trên thị trường khu vực.

- Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng ở các điểm, khu du lịch trọng điểm đã được quy hoạch chi tiết theo hướng phát triển du lịch hiện đại và bền vững như: khu du lịch Ngũ Động Sơn, khu sinh thái hồ Tam Chúc, khu du lịch Bến Thủy, điểm du lịch đền Trần Thương, chùa Long Đọi Sơn,

đền Lảnh, điểm du lịch làng nghề An Hoà...

- Phát triển tuyến du lịch sông Đáy đi chùa Hương và các điểm du lịch bằng đường thủy ở Hà Nam như: Kẽm Trồng, Non Tiên (xã Thanh Hải), cảnh quan ngã ba sông ở Phủ Lý... kết hợp phát triển du lịch đường thủy với các loại hình du lịch khác.

Mở rộng và tăng cường liên doanh, liên kết, phối hợp với các Tỉnh thành trong vùng như: Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình... để phát triển các tuyến, tour du lịch hấp dẫn với không gian du lịch rộng mở hơn, sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú và hấp dẫn hơn.

3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác các di tích lịch sử văn hóa ở Duy Tiên để phát triển du lịch văn hóa.

3.2.1. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá cho các di tích.

Hoạt động du lịch có phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều và công tác quảng cáo, quảng bá cho các điểm du lịch đến với mọi người dân không chỉ trong địa bàn huyện, Tỉnh mà rộng hơn là khu vực đồng bằng Bắc Bộ và các vùng phụ cận khác.

Nhận thức được vai trò quan trọng đó nên trong chiến lược phát triển du lịch thời kỳ 1998 - 2010 Tỉnh uỷ cũng như các Sở Văn hoá, thể thao và du lịch Hà Nam đã phối hợp với các phòng văn hoá huyện đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá xúc tiến du lịch với những nội dung cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch để có thể hiểu được vị trí quan trọng và những lợi ích kinh tế - xã hội to lớn mà ngành du lịch mang lại. Tuyên truyền cho nhân dân, khách du lịch trong nước về tiềm năng du lịch của huyện, những thành quả đạt được cũng như những khó khăn thử thách và hướng đầu tư phát triển.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, mọi cấp ngành về phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, môi trường sinh thái hiện có và đồng thời làm phong phú thêm nguồn tài nguyên sẵn có này.

- Tổ chức thực hiện quảng bá rộng rãi về hình ảnh và con người Duy Tiên với khách du lịch trong và ngoài nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, tranh ảnh, panô áp phích... khuyến khích các doanh nghiệp

đầu tư, tự quảng cáo và đẩy mạnh hoạt động tiếp thị khai thác thị trường trong và ngoài nước, phát hành nhiều hơn nữa các ấn phẩm về du lịch cho khách lẻ hành trong và ngoài nước.

- Không ngừng nâng cấp chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Thực hiện quảng bá bằng chất lượng, bằng sản phẩm và bằng giá cả.

Đối với hoạt động du lịch liên quan đến di tích lịch sử văn hoá thì tiến hành những hoạt động sau:

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và người dân về việc tuyên truyền quảng bá cho du lịch đến với các di tích lịch sử văn hoá.

- Liên kết với các báo đài, tạp chí... để giới thiệu, quảng bá về các di tích lịch sử văn hoá đến với mọi người. Xây dựng chuyên mục du lịch trên đài truyền hình Tỉnh và mở rộng hơn là đài truyền hình trung ương để giới thiệu về các di tích lịch sử văn hoá.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm về du lịch để giới thiệu về con người, tài nguyên du lịch nhân văn và tự nhiên của huyện với những thông tin cụ thể về các điểm lưu trú, hệ thống các điểm tham quan du lịch... Có thể phối hợp với các ngành giao thông vận tải cung cấp miễn phí trên các lộ trình đến Duy Tiên, những tài liệu chỉ dẫn và thông tin sơ lược liên quan đến huyện, đến các điểm du lịch.

- Xúc tiến việc xây dựng và phát triển rộng rãi các loại phim ảnh, đĩa CD... bao gồm các tư liệu du lịch như lịch sử, văn hoá, các công trình kiến trúc, các di tích, các lễ hội cổ truyền... để giới thiệu với du khách trong và ngoài nước. Những thông tin này không những rất bổ ích cho du khách mà còn cần thiết cho các nhà đầu tư, các nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về Duy Tiên.

- Xây dựng trang web cho du lịch Duy Tiên để qua đó giới thiệu các di tích lịch sử cũng như những thế mạnh về kinh tế xã hội và con người Duy Tiên với bạn bè trong và ngoài nước để từ đó thu hút sự quan tâm, tìm đến của khách du lịch đến với Duy Tiên ngày một tăng.

- Tận dụng các cơ hội thuận tiện để tham gia các hội nghị, hội thảo, hội trợ... để có điều kiện tiếp thị tuyên truyền, quảng bá cho Du lịch Duy Tiên, Du lịch Hà Nam. Nếu có điều kiện có thể mở văn phòng thông tin tại các Tỉnh lân cận, tại khu vực đồng bằng Bắc Bộ và rộng hơn để thực hiện chức năng du

lịch sử hành và xúc tiến việc tiếp thị đến các di tích lịch sử văn hoá được nhanh và hiệu quả.

Đẩy mạnh hoạt động Marketing vào việc quảng bá cho du lịch tham quan, nghiên cứu các di tích lịch sử văn hoá sẽ tạo đà thuận lợi cho việc phát triển toàn ngành du lịch. Trên cơ sở đó chúng ta có thể khẳng định trong những năm tới ngành Du lịch Duy Tiên cũng như Du lịch Hà Nam sẽ khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường du lịch.

3.2.2. Bảo tồn tôn tạo và tu bổ các di tích

- Định hướng trong bảo tồn tôn tạo và tu bổ các di tích

Khi thực hiện việc tu bổ, chống xuống cấp các công trình di tích phải lập dự án trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá toàn diện các di tích gốc.

Tôn trọng và giữ gìn bằng mọi biện pháp các thành tố nguyên gốc của di tích, hạn chế tối đa mọi sự thay thế nhất là thay thế bằng các chất liệu và vật liệu mới. Giải pháp ưu tiên là bảo quản, gia cố và tu bổ di tích.

Việc khôi phục các di tích đã bị mất phải dựa trên cơ sở các tài liệu khoa học chính xác và chỉ thực hiện trong những trường hợp thật cần thiết. Việc sử dụng chất liệu bền vững để thay thế chất liệu dễ hư hỏng, trong khôi phục di tích phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, đảm bảo tính xác thực đối với di tích và cần được phân biệt rõ với chất liệu gốc.

Trong tu bổ chống xuống cấp các di tích ưu tiên vận dụng các quy trình và các kỹ thuật thủ công truyền thống, sử dụng các chất liệu và vật liệu truyền thống phù hợp với di tích. Các chất liệu, vật liệu và kết cấu mới chủ yếu sử dụng trong bảo quản gia cố.

Việc tu bổ chống xuống cấp di tích phải tuân thủ quy trình sau: nghiên cứu tư liệu và khảo sát hiện trạng - xây dựng dự án và thiết kế kỹ thuật - dự toán - thẩm định - phê duyệt - thi công dưới sự giám sát của các nhà chuyên môn và duy trì nhật ký công trình - nghiệm thu - hoàn chỉnh hồ sơ tu bổ .

Tôn tạo di tích là nhằm tạo điều kiện làm nổi bật các mặt giá trị của di tích và tạo ra môi trường cảnh quan hài hoà với di tích đó.

Quy hoạch các tuyến đường tham quan đi lại trong khu di tích phải phù hợp với tính chất lịch sử của di tích. Sử dụng hình thức chiếu sáng truyền thống phù hợp với di tích và chỉ tạo lập hệ thống chiếu sáng hiện đại khi thực sự cần thiết, mà không làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ của di tích.

Các công trình phụ trợ được phép xây dựng phải nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích bao gồm: nhà trưng bày bổ sung di tích, nhà tiếp khách và nhà ban quản lý, trạm điện, hệ thống phòng chống cháy nổ, hệ thống thu gom rác thải... Vị trí của các công trình này không được ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực di tích. Trong trường hợp cần phải có thì nội dung trưng bày chỉ giới hạn trong phạm vi những sự kiện và tài liệu trực tiếp liên quan đến di tích.

Các công trình phục vụ như: bãi đỗ xe, quán ăn uống, giải khát, công trình vệ sinh, cửa hàng lưu niệm... bố trí tách biệt khỏi các khu vực bảo vệ của di tích. Không được gây ô nhiễm môi trường, phải phù hợp với cảnh quan chung của di tích.

Trong xu hướng phát triển du lịch văn hoá chung của cả nước thì du lịch văn hoá ở Duy Tiên cũng cần được phát triển trong định hướng chung đó.

- Các biện pháp bảo tồn tôn tạo và tu bổ các di tích

Để làm tốt công tác tôn tạo và tu bổ các di tích cần thực hiện hiệu quả các hoạt động sau:

- Tăng cường giáo dục cho mọi tầng lớp trong nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong khu vực có di tích nhận thức đúng đắn giá trị, ý nghĩa quan trọng về giữ gìn các giá trị truyền thống dân tộc, các giá trị cả về vật chất và tinh thần của di tích để từ đó nâng cao lòng yêu nước, nâng cao tinh thần tự giác bảo vệ các giá trị của di tích.

- Tăng cường công tác quản lý tại các di tích để bảo vệ và kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động du lịch trong khu vực di tích. Phải thành lập, xây dựng và củng cố các ban quản lý ở các di tích cho phù hợp với tình trạng phát triển du lịch tại các di tích đó, để tránh tình trạng di tích bị xuống cấp, bị xâm hại quá mức.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh buôn bán trong khu di tích. Đồng thời cũng phải khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ phục vụ cho hoạt động du lịch của di tích.

- Ban hành các chính sách pháp luật để bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá. Việc bảo vệ các di tích phải gắn liền với lợi ích của cư dân địa phương. Nghiêm cấm các hành vi phá hoại đến cảnh quan môi trường xung quanh khu

di tích, đặc biệt là phá hoại trực tiếp đến các di tích.

- Nhà nước cần có chính sách đầu tư kinh phí để nghiên cứu, trùng tu, tôn tạo và bảo vệ các di tích. Đồng thời kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào tu bổ, tôn tạo các di tích.

- Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên đặc biệt là hướng dẫn viên điểm tại các di tích lịch sử theo đúng nghĩa của nó, là người hướng dẫn viên có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá, lịch sử và hiểu sâu sắc về di tích lịch sử văn hoá. Họ phải được trang bị kiến thức đầy đủ trong các lĩnh vực mỹ thuật, sân khấu, lịch sử, kiến trúc, phong tục tập quán, tôn giáo... Hướng dẫn viên cần được đào tạo theo hướng chuyên môn hoá để có kiến thức sâu rộng, phục vụ theo các yêu cầu tiêu dùng du lịch của con người với các đặc điểm tâm lý xã hội khác nhau.

- Để công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá đạt hiệu quả cao nhất thì phải quan tâm trước hết đến vấn đề lựa chọn đào tạo những người trực tiếp làm công tác bảo tồn, tôn tạo. Bởi vì chỉ khi họ hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc họ đang làm và có ý thức đầy đủ về chuyên môn thì việc bảo tồn, tôn tạo mới đạt hiệu quả. Nếu công tác đào tạo cán bộ không được thực hiện tốt thì cho dù có đầy đủ vốn đầu tư thì hiệu quả đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích vẫn không cao.

3.2.3. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng đến các di tích.

Việc phát triển du lịch của một vùng, một địa phương của một Tỉnh hay một quốc gia không thể không gắn liền với việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kĩ thuật. Đây là một yếu tố rất quan trọng trong sự phát triển hay không phát triển của một điểm du lịch. Bởi vì điểm tham quan du lịch dù có hấp dẫn đến mấy nhưng cơ sở du lịch phục vụ yếu kém thì cũng không thể thu hút được nhiều khách du lịch. Đây là yếu tố có mối quan hệ qua lại, khăng khít với nguồn tài nguyên du lịch giúp cho việc khai thác hết được những giá trị mà bản thân nó vốn có.

Duy Tiên là huyện nằm ở phía Bắc Hà Nam có địa thế giáp với Hà Nội - cửa ngõ phía Nam thủ đô và cũng gần với Tỉnh Hoà Bình - nơi có nhiều danh thắng nổi tiếng như Mẫu Đàm Đa, Động Tiên, đền Đức Thánh Cả hay di tích chùa Hương của Hà Nội... chính vì vậy việc phát triển du lịch của huyện gắn liền với việc xây dựng các tuyến xe liên huyện liên Tỉnh lân cận có điều

kiện tốt hơn để phục vụ khách tham quan.

Cần tiến hành kiểm tra và đánh giá chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm tại các điểm du lịch để có kế hoạch khai thác đầu tư hợp lý, cung cấp đủ nước cho khách du lịch nhất là vào mùa lễ hội.

Vấn đề về thông tin liên lạc thì hiện nay ở Duy Tiên vẫn chưa thực sự phát triển nhất là tại các khu vực có di tích. Vấn đề này đòi hỏi các cơ quan chức năng cần có các giải pháp đầu tư nhiều hơn chủ yếu là các trạm thông tin, điện thoại, điện báo... để khách du lịch có thể trao đổi thông tin một cách tốt nhất. Bởi đó là yêu cầu cần thiết mang tính xác thực trong điều kiện khoa học công nghệ và ngành thông tin liên lạc phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới.

Ngoài ra cần phải nâng cấp các trục đường dẫn tới các di tích một cách thuận tiện, đồng thời cần xây dựng các bến đỗ để phục vụ để phục vụ cho việc đi lại của du khách được dễ dàng.

Cần xây dựng mới và cải tạo các tuyến du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài tỉnh như tuyến Hải Phòng - Hưng Yên - Hà Nam, Hải Phòng - Hưng Yên - Hà Nam - Hà Nội, Hải Phòng - Hưng Yên - Hà Nam - Hòa Bình - Tây Bắc... Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch Tỉnh cũng xác định rõ Duy Tiên là địa bàn trọng điểm đối với chiến lược phát triển du lịch nói chung của tỉnh. Chính vì vậy đòi hỏi sự quan tâm, đầu tư xây dựng Duy Tiên trở thành một điểm du lịch tâm cổ của Tỉnh và tiến tới là của khu vực lân cận, là cầu nối, là nơi tham qua không thể bỏ qua khi đến các điểm du lịch gần đó như: Động Tiên, Mẫu Đầm Đa, Chùa Hương... và cũng chính vì Duy Tiên là huyện có hệ thống các di tích lịch sử văn hóa rất phong phú - là nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn nhưng vẫn chưa được khai thác và phát triển do đó đòi hỏi có sự quan tâm cũng như đầu tư hơn nữa về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật nhằm khai thác tốt các thế mạnh hiện có, biến tiềm năng đó thành các điểm du lịch hấp dẫn và đồng thời phải cân đối lại mức độ đầu tư một cách chính xác, hợp lý và có hiệu quả tránh hiện tượng đầu tư sai lĩnh vực dẫn đến việc khai thác không hiệu quả gây thất thoát ngân sách của Tỉnh cũng như của Nhà nước.

Việc quan trọng và bức thiết nhất lúc này của Duy Tiên là tập trung đầu tư đi đôi với quy hoạch tổng thể các điều kiện có thể phát triển du lịch, tiếp

đến là đa dạng các loại sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách.

Song song với việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây được coi là yếu tố quan trọng liên quan đến thời gian lưu trú của du khách là dài ngày hay ngắn ngày. Chính vì vậy cần có sự tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật như:

- Cơ sở lưu trú: Cần tăng cường xây dựng thêm các nhà nghỉ, nhà khách và khách sạn mới, đủ tiêu chuẩn kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

- Cơ sở phục vụ ăn uống: Ngoài các cơ sở phục vụ ăn uống sẵn có cần xây dựng thêm các nhà hàng chuyên phục vụ lĩnh vực này, đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm và có khả năng phục vụ các loại đặc sản quý hiếm của vùng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

- Cửa hàng: Đây là một yếu tố không thể thiếu của các điểm du lịch. Xây dựng cửa hàng là nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ của du khách khi đi tham quan du lịch như: đồ lưu niệm, đồ dùng sinh hoạt, sản phẩm đặc trưng của vùng cũng như các mặt hàng thiết yếu khác.

- Cơ sở vui chơi giải trí: Cần xây dựng một số cơ sở vui chơi giải trí trên địa bàn huyện bởi đây là yếu tố góp phần tăng thêm tính đa dạng cho các loại hình du lịch và giúp làm kéo dài thời gian lưu lại của khách du lịch, qua đó tăng nguồn thu cho các điểm du lịch cũng như người dân nơi đây, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tuy nhiên để khuyến khích cho hoạt động du lịch thu hút được nhiều khách đến với các di tích lịch sử văn hóa, đến với huyện thì chính quyền địa phương cũng như các cấp các ngành có liên quan cần có các biện pháp cụ thể sau:

Có cơ chế quản lý chính sách mềm mỏng, ưu tiên cho các doanh nghiệp và nhân dân trong vùng đầu tư kinh doanh du lịch như: ưu tiên thuế hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp.

Có chính sách ưu đãi về đất đai như cấp đất mặt bằng cho các doanh nghiệp và nhân dân địa phương, có thể cho thuê với giá rẻ hoặc trong những năm đầu kinh doanh không lấy tiền thuê.

Điện nước và xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách tại những nơi có các di tích. Bởi chỉ khi nào cơ sở hạ tầng

phát triển, cơ sở dịch vụ hiện đại và đạt chất lượng thì mới thu hút được đông đảo khách du lịch đến với các di tích của huyện.

3.2.4. Đào tạo nguồn nhân lực

Con người là yếu tố đặc biệt quan trọng vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển. Sẽ là một lãng phí nếu chỉ tập trung vào đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật mà bỏ qua yếu tố con người. Do đó việc nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho lực lượng lao động ngành là một trong những chính sách quan trọng nhất đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch trong những năm tới đây.

Các nội dung chính cần tập trung trong chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch của huyện gồm:

- Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực:

Việc phát triển trước mắt cũng như lâu dài của du lịch Duy Tiên là phải có một lực lượng cán bộ, nhân viên có nghiệp vụ, được đào tạo sâu về chuyên môn. Nhiệm vụ trước hết là phải rà soát, phân loại trình độ, cơ cấu đào tạo của nguồn nhân lực ngành, nghiệp vụ đối với cán bộ và lao động hiện đang công tác trong ngành Du lịch Tỉnh, huyện. Bên cạnh đó tranh thủ sự hỗ trợ của Tỉnh, của các địa phương lân cận trong việc hợp tác đào tạo cán bộ. Trước hết cần có một đội ngũ cán bộ chuyên trách về du lịch, tiếp đến là đào tạo đội ngũ cán bộ lao động kỹ thuật giỏi, năng động, phù hợp với xu thế của thế giới. Việc làm trước hết và có tính cấp bách lúc này là: giáo dục, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho những người hoạt động du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên - người trực tiếp tiếp xúc và phục vụ khách:

+ Đạo đức nghề nghiệp: Nhân viên theo ngành du lịch cần phải có đầy đủ nhân sinh quan và những giá trị đạo đức cao quý, biết tôn trọng pháp luật, tính kỉ luật, văn minh lịch sự, cởi mở, thân thiện, lễ độ, trung thực, có trách nhiệm với công việc, với môi trường, có tình yêu quê hương đất nước...

+ Tu dưỡng văn hóa: Phải thường xuyên tìm hiểu và cập nhật những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch và đất nước, có trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Có kỹ năng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để có thể đáp ứng yêu cầu của khách du lịch để phục vụ du khách một

cách hài lòng nhất.

+ Ý thức nghề nghiệp: Yêu nghề, tôn trọng nghề, nhiệt tình, thân thiện với khách, đồng thời phải tinh tế để phục vụ khách hàng kịp thời vừa ý.

+ Trình độ ngoại ngữ: đây là yếu tố quan trọng để có thể giao tiếp và phục vụ khách quốc tế một cách tốt nhất.

+ Mở các khóa huấn luyện về nghiệp vụ du lịch cho người đang làm việc tại cụm di tích như thủ từ, bảo vệ, hướng dẫn viên đi kèm những kiến thức về văn hóa nghệ thuật ứng xử.

- *Khuyến khích thu hút nhân tài:*

Cần có chính sách thỏa đáng để thu hút đội ngũ cán bộ, các nhà quản lý, các nhà kinh tế giỏi khắp mọi miền đất nước về đầu tư tham gia vào xây dựng ngành du lịch. Có chính sách ưu tiên cán bộ là con em địa phương được đào tạo chuyên ngành du lịch về làm tại các địa phương bằng các biện pháp cụ thể như tăng thu nhập cho những người làm du lịch nhất là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi.

- *Đổi mới cơ cấu nguồn nhân lực:*

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch trong thời gian tới, cần có những chính sách phù hợp để đổi mới nguồn nhân lực du lịch. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ có trình độ có chuyên môn nghiệp vụ.

- *Thực hiện xã hội hóa du lịch:* Nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên và nhân dân địa phương về du lịch.

Làm tốt được các biện pháp trên về đào tạo nguồn nhân lực thì đây sẽ là một động lực rất lớn thúc đẩy hoạt động du lịch của huyện Duy Tiên ngày một phát triển.

3.2.5. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng về du lịch

Để hoạt động du lịch phát triển đạt được những hiệu quả tích cực thì ngoài sự quan tâm của các ban ngành, chính quyền địa phương thì cộng đồng cư dân bản địa cũng đóng vai trò quan trọng. Họ góp phần không nhỏ tới sức hấp dẫn của của điểm tham quan. Các cấp các ngành chức năng cần phải đề ra các chiến lược xã hội hoá hoạt động du lịch. Tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức của người dân về du lịch. Đây là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách bởi nếu có ý thức tốt, nhận thức đúng thì mọi hoạt động của nhân dân sẽ nhằm mục đích bảo vệ, giữ gìn và phát huy hết các giá trị phục vụ cho

hoạt động du lịch phát triển theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”

Ở các di tích phục vụ cho hoạt động du lịch tâm linh là chủ yếu thì các nghi lễ, thủ tục đón tiếp khách, mở cửa đón khách và nhân dân còn lúng túng. Vì vậy, cần có các lớp đào tạo cũng như có sự chuẩn bị chu đáo để hoạt động đón tiếp được diễn ra chu đáo.

Ở các di tích nhất là khi có lễ hội cần được chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ hơn trong mọi hoạt động để hạn chế những tiêu cực giúp người dân có được niềm vui và lòng tin khi tham gia công đức tu bổ di tích cũng như khi dâng hương tại các di tích. Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần vào cuộc sát sao hơn, nhanh chóng và có biện pháp dẹp bỏ những hiện tượng ăn xin, trẻ lang thang ở các khu di tích, phối hợp với các đơn vị an ninh và nhân dân phát hiện và xử lý kịp thời việc tổ chức các hoạt động cờ bạc, nhắc nhở việc đặt hòm công đức đúng chỗ ở các điểm tín ngưỡng và hạn chế hiện tượng chèo kéo khách, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa lành mạnh tại các di tích, nâng cao ý thức của cộng đồng về du lịch với các hoạt động cụ thể sau:

Mỗi người dân địa phương phải tự mình là một người hướng dẫn viên trung thực, nhiệt tình để không ngừng giới thiệu cho du khách những giá trị của di tích mà chính họ còn trở thành người tuyên truyền viên trong việc tuyên truyền, quảng bá và giới thiệu các di tích đến với du khách.

Phải trích một phần lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch vào việc xây dựng các công trình công cộng ở địa phương để khuyến khích người dân ở đây tham gia nhiều hơn nữa vào việc khai thác các di tích phục vụ du lịch.

Xây dựng ý thức bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội truyền thống, phong tục tập quán tốt của địa phương cũng như của dân tộc. Kết hợp với việc xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa, đưa vào hương ước của làng các vấn đề nề nếp, nếp sống văn minh trong việc giao tiếp với mọi người cũng như với khách du lịch.

Xây dựng nếp sống lành mạnh không làm hủy hoại môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, không tự tiện thải rác ra các điểm du lịch và những nơi công cộng.

Xây dựng các tập tục lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng mê tín dị

đoan, bói toán, lệ đốt vàng mã ở các di tích gây ô nhiễm môi trường và phá hủy di tích đặc biệt là các di tích xây bằng gỗ.

Xây dựng nếp sống văn minh lịch sự, không có tệ nạn xã hội.

Như vậy việc tuyên truyền quảng bá nâng cao ý thức về du lịch đối với cộng đồng dân cư địa phương nơi có các di tích lịch sử văn hóa là rất quan trọng. Hiểu được các ý nghĩa khai thác các di tích lịch sử văn hóa cho hoạt động du lịch, họ mới có ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch... Đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương và cán bộ quản lý di tích nên đưa thêm các chương trình về lịch sử, địa lý của địa phương vào trường học để nhấn mạnh hơn tính lịch sử của di tích để phục vụ tốt hơn cho hoạt động du lịch.

3.2.6. Tăng cường sự quan tâm của các cấp các ngành

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch

Trong giai đoạn 2000-2010 Du lịch Hà Nam nói chung và Du lịch Duy Tiên nói riêng tập trung đầu tư phát triển là bước đột phá mang tính quyết định, tạo đà cho cả quá trình phát triển lâu dài của ngành. Do vậy cần phải tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch để giải quyết các vấn đề đòi hỏi của thực tiễn. Đây là một giải pháp quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Đối với cơ quan quản lý ngành du lịch cần rà soát, đánh giá một cách khoa học nguồn tài nguyên du lịch, tiến hành điều chỉnh quy hoạch tổng thể cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Duy Tiên và của toàn ngành du lịch làm cơ sở cho việc lập các quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư phát triển du lịch đã được phê duyệt một cách có hiệu quả.

Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên du lịch và quy chế quản lý các khu di tích đã được đầu tư xây dựng, thẩm định lại các dự án phát triển của ngành.

Tăng cường công tác kiểm sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ trên địa bàn huyện, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế và đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn. Tổ chức và bồi dưỡng nguồn nhân lực cho toàn ngành, từng bước triển khai thực hiện tiêu chuẩn hoá lực lượng lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các cấp các ngành có liên quan trong huyện,

trong Tỉnh đầu tư các dự án ở các điểm, khu du lịch và phối hợp với các địa phương nơi có các điểm, khu du lịch nằm trong quy hoạch mà chưa có điều kiện đầu tư khai thác.

Tăng cường quan hệ với du lịch các huyện, các Tỉnh lân cận tạo ra không gian du lịch rộng lớn hơn, thiết lập các tour du lịch liên Tỉnh liên huyện để đưa sản phẩm du lịch của Duy Tiên sớm hội nhập với du lịch cả nước.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp các ngành

Để tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp các ngành từ Trung ương tới địa phương đối với hoạt động du lịch thì Ủy ban nhân dân Tỉnh, huyện cần sớm thành lập các ban phát triển du lịch của Tỉnh, huyện để chỉ đạo, điều hành các vấn đề còn tồn tại và phát sinh trong quan hệ phối hợp giữa các ngành liên quan và các địa phương nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy du lịch phát triển.

Đối với ngành du lịch cần phải chủ động phối hợp với các ngành và chính quyền địa phương nơi có các di tích lịch sử văn hoá trong việc xây dựng, quy hoạch kế hoạch tổ chức triển khai các dự án du lịch và trong quá trình tổ chức, kinh doanh cũng như việc bảo tồn, tôn tạo và tu bổ các di tích.

Đối với các ngành có liên quan cần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch của huyện phát triển, ưu tiên các dự án đầu tư phát triển ngành nhưng có liên quan và tác động tích cực đến việc phát triển du lịch cụ thể như: Phát triển giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện nước, bảo vệ môi trường...

Đối với các cấp chính quyền địa phương nơi có các di tích lịch sử văn hoá cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn cho nhân dân địa phương những kiến thức cơ bản về du lịch, kinh doanh du lịch, có ý thức bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá, bảo vệ tài nguyên môi trường... Cần phối hợp với các cơ quan chức năng giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bài trừ các tệ nạn xã hội ở các khu di tích và giữ gìn nét đẹp văn hoá truyền thống bản địa.

3.3. Một số khuyến nghị

Ủy ban nhân dân Tỉnh, huyện cần đầu tư tôn tạo tu bổ các di tích lịch sử đã bị hư hại, xuống cấp. Các di tích lịch sử là đối tượng của du lịch nên cũng phải được hưởng tới các lợi ích mà du lịch đem lại. Những di tích lịch

sử văn hoá đã được xếp hạng nên được bảo vệ, khôi phục, giữ gìn nghiêm ngặt, tránh tình trạng khôi phục nhưng lại làm mất đi các giá trị lịch sử vốn có của di tích. Đồng thời giải quyết triệt để tình trạng lấn chiếm, xâm phạm di tích do không có ai quản lý.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và địa phương nơi có các di tích trong việc bảo tồn, trùng tu, quản lý, khai thác một cách hợp lý, có hiệu quả nguồn di sản văn hoá vốn có của huyện, xây dựng một quy chế phối hợp và có kế hoạch hợp tác chung.

Ủy ban nhân dân Tỉnh, huyện và các cấp các ngành có liên quan cần khẩn trương triển khai “Luật di sản văn hoá” sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân để mọi hiểu được tầm quan trọng của các di tích lịch sử văn hoá, từ đó xác định quyền lợi của các cá nhân, các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy các giá trị của các di tích lịch sử văn hoá đó.

Cần tăng cường phổ biến kiến thức sâu rộng trong nhân dân về các giá trị cũng như vai trò to lớn của các di tích lịch sử văn hoá đối với hoạt động phát triển du lịch, để cho mỗi người dân tự ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát triển các di tích lịch sử văn hoá phục vụ cho hoạt động du lịch của huyện nhà.

Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch Tỉnh, huyện cần có sự liên hệ, liên kết với các công ty lữ hành trong Tỉnh cùng các công ty lữ hành ở các Tỉnh lân cận, triển khai các tuyến điểm du lịch trong Tỉnh, huyện để đưa Duy Tiên trở thành một điểm du lịch trong các tour du lịch đi chùa Hương và Hoà Bình. Bên cạnh đó có kế hoạch hỗ trợ, tuyên truyền, quảng bá cho hoạt động du lịch của Tỉnh, huyện.

Ủy ban nhân dân Tỉnh, huyện cần củng cố và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật của người dân địa phương nói chung và khu di tích nói riêng để phục vụ du lịch.

Hiện nay hầu hết các di tích ở Duy Tiên vẫn chưa thu phí tham quan vì vậy các ngành chức năng cần xây dựng các khoản lệ phí tham quan một cách khoa học, hợp lý rồi giao cho ban quản lý di tích được phép thu. Nguồn thu này sẽ được dùng vào trùng tu, tu bổ di tích và cho hoạt động của Ban quản lý di tích.

Tiểu kết chương 3

Duy Tiên là vùng đất có bề dày lịch sử lâu đời, nơi đây còn lưu giữ lại được một hệ thống các di tích lịch sử văn hoá độc đáo mang đậm nét văn hóa dân gian. Các di tích lịch sử văn hoá nơi đây chứa đựng các giá trị lịch sử sâu sắc. Phản ánh những bước thăng trầm của một vùng đất có bề dày lịch sử đồng thời cũng phản ánh được truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước của con người Duy Tiên nói riêng và của dân tộc nói chung.

Hiện nay những giá trị văn hoá ở Duy Tiên đang bước đầu được khôi phục và đưa vào khai thác phục vụ cho phát triển du lịch. Tuy nhiên, hoạt động du lịch văn hoá ở đây chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng to lớn của nó. Chính vì vậy hoạt động du lịch mang lại hiệu quả cao thì các cấp chính quyền từ Trung ương tới cơ sở cần có những chính sách khuyến khích đầu tư cho phát triển Du lịch Duy Tiên, khôi phục lại các di tích đã bị hư hại, xuống cấp. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền giáo dục người dân để nâng cao nhận thức của họ trong việc giữ gìn, bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá, đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá cho du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Nhà nước và nhân dân cùng phối hợp để khắc phục những khó khăn phát triển du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế trọng điểm của Duy Tiên.

KẾT LUẬN

Ngày nay du lịch văn hoá với các hình thức tham quan các di tích kết hợp với lễ hội và tham quan các làng nghề truyền thống đang phát triển mạnh. Loại hình du lịch này không chỉ có mục đích tham quan các di tích lịch sử văn hoá như: Đình, chùa, miếu, mạo, các lễ hội truyền thống, các trò chơi dân gian... mà còn giúp du khách có thêm nhiều kiến thức về lịch sử, văn hoá, kiến trúc mỹ thuật gắn liền với từng giai đoạn phát triển của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung.

Các di tích lịch sử văn hoá cùng các phong tục tập quán lễ hội là các yếu tố bảo lưu các giá trị truyền thống đã được tích lũy từ bao đời của cộng đồng cư dân Việt Nam. Những yếu tố đó phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động của cư dân Việt trong quá trình khai hoang mở đất, mở nước; đồng thời phản ánh ước mơ, nguyện vọng của con người từ trong khó khăn vất vả, luôn tin tưởng lạc quan về một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Loại hình du lịch này là một dịp để các tầng lớp nhân dân ôn lại các truyền thống quý báu của quê hương, từ đó giáo dục nhân dân hướng về cội nguồn, bồi đắp và phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc. Qua đó góp phần quan trọng vào việc bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá, các giá trị truyền thống của dân tộc.

Duy Tiên là một huyện có bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá. Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, những con người nơi đây đã tạo lên hệ thống các di tích lịch sử văn hoá. Các di tích này đã được Nhà nước xếp hạng có giá trị về lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cao, có cảnh quan thiên nhiên đẹp, là thế mạnh để phát triển du lịch văn hoá. Cùng các di tích này là các lễ hội truyền thống, đến với các lễ hội này du khách sẽ được hoà mình vào những trò chơi dân gian độc đáo, được thưởng thức những tiết mục văn nghệ mang đậm bản sắc quê hương, từ đó hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và sự nghiệp của các vị Thành Hoàng, các vị anh hùng có công với dân, với nước.

Hiện nay Duy Tiên đang tiến hành khai thác các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để phục vụ du lịch. Tuy nhiên, hiệu quả mang lại còn thấp và còn tồn tại nhiều bất cập. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trong đó có nguyên nhân cơ bản là các di tích chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức và nhất là trình độ yếu kém của người quản lý trong việc quy hoạch du

lịch và kêu gọi các nguồn vốn cho trùng tu, tôn tạo di tích.

Là một huyện giàu tiềm năng du lịch nhưng cơ sở vật chất ở các địa phương có di tích vẫn ở tình trạng thiếu kém, thiếu đồng bộ. Bên cạnh đó công tác tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị sản phẩm du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thật sự thu hút được nhiều khách du lịch đến với huyện.

Để có được những cơ sở xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh và các tiềm năng du lịch văn hoá của huyện được khai thác có hiệu quả đáp ứng cho ngành Du lịch Duy Tiên cũng như Du lịch Hà Nam có bước đi vững chắc và hiệu quả cao thì cần phải đầu tư tích cực hơn nữa công tác tuyên truyền quảng bá đặc biệt là công tác tu bổ tôn tạo di tích. Vì các di tích lịch sử văn hoá không chỉ được xem là nhân tố hợp thành của văn hoá dân tộc mà còn là một bộ phận của môi trường sống của con người, là yếu tố thúc đẩy cho hoạt động du lịch, lấy cái truyền thống để phục vụ cho hiện tại và tương lai. Đồng thời, các cơ quan quản lý về du lịch và đặc biệt là những người làm công tác du lịch văn hoá cần đánh giá chính xác và khách quan những mặt tích cực của môi trường văn hoá Duy Tiên theo hướng kế thừa và phát triển. Đây là công việc hết sức quan trọng trong việc quản lý và khai thác phát triển du lịch.

Như vậy, có thể khẳng định rằng trong tương lai không xa với những thành công đã đạt được cũng như các mặt hạn chế được khắc phục thì hoạt động du lịch đến các di tích lịch sử ở Duy Tiên sẽ ngày càng sôi động hơn, khai thác có hiệu quả hơn những tiềm năng sẵn có của mình. Chắc chắn các di tích lịch sử của Duy Tiên sẽ là một điểm đến hấp dẫn của du khách trong lòng du khách trong và ngoài nước, là niềm tự hào của du lịch Hà Nam.

LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên được làm khoá luận là một vinh dự cho em. Trong suốt quá trình làm và hoàn thành khoá luận em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn tới tập thể các thầy cô giáo trong ngành văn hoá du lịch đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ chúng em trong suốt thời gian 4 năm ngồi trên ghế giảng đường Trường Đại học dân lập Hải Phòng.

Để hoàn thành bài khoá luận này em cũng xin gửi lời cảm ơn tới Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch Hà Nam; Phòng văn hoá, thể thao và du lịch huyện Duy Tiên, Ban quản lý các di tích lịch sử văn hoá đã tạo điều kiện giúp đỡ và cung cấp số liệu cho em.

Đặc biệt em muốn gửi lời cảm ơn đến thầy TS. Nguyễn Văn Bình- người thầy đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em thực hiện đề tài khoá luận này.

Và cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè và người thân luôn quan tâm, động viên và tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt thời gian qua.

Do thời gian tìm hiểu, nghiên cứu và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý và thông cảm của các thầy cô giáo để giúp cho bài khoá luận này hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 18 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Nguyễn Thị Huê

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đề án bảo tồn, tôn tạo và trùng tu các di tích lịch sử văn hóa ở Hà Nam giai đoạn 2006 – 2020**, Bảo tàng Hà Nam, 2005.
2. Trần Quốc Hùng: **Hương sắc Hà Nam** - H: Nxb Thông Tấn, 2006.
3. Đinh Trung Kiên: **Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch**. - H: Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 1999.
4. Đinh Trung Kiên: **Một số vấn đề lý luận chung về du lịch Việt Nam**: Nxb ĐHQGHN, 2004.
5. Vũ Ngọc Khánh: **Đền, miếu Việt Nam**. Nxb Thanh niên, 2000.
6. Lê Thanh Lộc: **Từ điển Mỹ thuật**. - H.: Nxb Văn hóa thông tin.
7. Ngô Huy Quỳnh: **Lịch sử kiến trúc Việt Nam**. - H.: Nxb văn hóa thông tin, 1998.
8. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng: **Mỹ thuật của người Việt**. – H.: Nxb mỹ thuật, 1989.
9. Quốc hội nước CHXHCNVN: **Luật di sản**, 2001.
10. Quốc hội nước CHXHCNVN: **Luật di sản**, 2005.
11. Trần Nga: **Hà Nam - Điểm đến của du khách**. Sở thương mại – du lịch Hà Nam, 2006.
12. Tổng cục du lịch: **Non nước Việt Nam**. Sách hướng dẫn du lịch, 1998.
13. Trần Đức Thanh: **Nhập môn khoa học du lịch**. – H.: Nxb ĐHQGHN, 1999.
14. Trần Ngọc Thêm: **Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam**, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1997.
15. Nguyễn Minh Tuệ: **Địa lý du lịch**, Nxb Tp Hồ Chí Minh
16. Trần Quốc Vượng: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**. - H.: Nxb Giáo dục, 1998.
17. UBND Tỉnh Hà Nam: **Địa lý Hà Nam**., Hà Nội 2004.
18. UBND tỉnh Hà Nam: **Kinh tế Hà Nam**, Hà Nội 2004.
19. UBND tỉnh Hà Nam: **Văn hóa xã hội**, Hà Nội 2004.
20. Bùi Thị Hải Yến: **Tuyển điểm du lịch Việt Nam**, Nxb Giáo dục, 2006.
21. website: www.hanam.gov.vn
:www.google.com.vn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nội dung nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Bố cục khoá luận.....	4

CHƯƠNG 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

1.1. Khái niệm về di tích lịch sử văn hóa.....	5
1.1.2. Các loại di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu:	6
1.1.2.1. Đình làng.....	6
1.1.2.2. Chùa	9
1.1.2.3. Đền, Miếu, Nghè, Am, Quán	10
1.1.2.4. Di tích cách mạng kháng chiến.....	11
1.2. Quan hệ giữa du lịch với các di tích lịch sử văn hóa	11
1.2.1. Khái niệm du lịch và các loại hình du lịch.....	11
1.2.1.1. Khái niệm du lịch	11
1.2.1.2. Các loại hình du lịch	13
1.2.2. Du lịch văn hóa	17
1.2.2.1. Khái niệm	17
1.2.2.2. Đặc trưng của sản phẩm du lịch văn hóa.....	18
1.2.2.3. Nội dung của sản phẩm du lịch văn hóa.....	18
1.2.2.4. Tác động của hoạt động du lịch với các di tích lịch sử văn hóa	19
1.2.2.5. Xu hướng phát triển của du lịch với các di tích lịch sử văn hóa.....	22
Tiểu kết chương 1.....	25

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH VĂN HÓA TẠI CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA Ở DUY TIÊN

2.1. Giới thiệu chung về Duy Tiên.....	26
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư	26
2.1.1.1. Vị trí địa lý	26
2.1.1.2. Địa hình.....	26
2.1.1.3. Khí hậu	28
2.1.1.4. Tài nguyên nước.....	29
2.1.1.5. Dân cư.....	31
2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội và nhân văn.....	31

2.1.2.1. Điều kiện kinh tế.....	31
2.1.2.2. Điều kiện xã hội	32
2.1.2.3. Tâm linh bản địa	33
2.2. Các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu ở Duy Tiên.....	34
2.2.1. Chùa	35
2.2.2. Đền	42
2.2.3. Đình.....	46
2.3. Thực trạng khai thác du lịch văn hóa tại các di tích lịch sử văn hóa ở Duy Tiên.....	49
2.3.1. Tổ chức quản lý khai thác các di tích lịch sử văn hoá.....	49
2.3.2. Sản phẩm du lịch văn hóa	51
2.3.3. Khách du lịch	52
2.3.4. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch văn hoá ở Duy Tiên	54
2.3.5. Hiệu quả kinh tế - xã hội từ việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá.....	56
2.3.6. Đánh giá chung	57
Tiểu kết chương 2.....	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA Ở DUY TIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA	
3.1. Định hướng phát triển du lịch Hà Nam thời kì 2000 - 2010.....	60
3.2. Một số giải pháp nhằm khai thác các di tích lịch sử văn hóa ở Duy Tiên để phát triển du lịch văn hóa.	61
3.2.1. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá cho các di tích.....	61
3.2.2. Bảo tồn tôn tạo và tu bổ các di tích	63
3.2.3. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng đến các di tích.....	65
3.2.4. Đào tạo nguồn nhân lực.....	68
3.2.5. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng về du lịch.....	69
3.2.6. Tăng cường sự quan tâm của các cấp các ngành.....	71
3.3. Một số khuyến nghị.....	72
Tiểu kết chương 3.....	74
KẾT LUẬN	75
PHỤ LỤC	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	